



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

SỔ TAY

**AN TOÀN GIAO THÔNG
DÙNG CHO KHU VỰC
NÔNG THÔN - MIỀN NÚI**



ST NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

 NHÀ XUẤT BẢN
GIAO THÔNG VẬN TẢI

SỔ TAY
AN TOÀN GIAO THÔNG
DÙNG CHO KHU VỰC NÔNG THÔN - MIỀN NÚI

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS. TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

TS. TRƯƠNG THÀNH TRUNG

SỔ TAY
AN TOÀN GIAO THÔNG
DÙNG CHO KHU VỰC NÔNG THÔN - MIỀN NÚI

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ
QUỐC GIA - SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN
GIAO THÔNG VẬN TẢI

HÀ NỘI - 2015

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Đi cùng với sự phát triển hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông... tình hình trật tự an toàn giao thông khu vực nông thôn - miền núi cũng đã có nhiều chuyển biến, song chưa bền vững, vẫn còn chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp. Tai nạn giao thông liên tục gia tăng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn giao thông. Nguyên nhân chủ yếu được xác định là do hiểu biết pháp luật về trật tự an toàn giao thông của người dân khu vực nông thôn - miền núi còn hạn chế, chưa tự giác chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông...; tỷ lệ người vi phạm trật tự an toàn giao thông vẫn còn ở mức cao, nhất là người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy; đường giao thông nông thôn mặc dù được cải tạo mở rộng, nâng cấp, bê tông hóa, nhưng còn thiếu hệ thống biển báo hiệu và thiết bị bảo đảm an toàn giao thông, tầm nhìn tại các điểm giao cắt bị che khuất bởi nhà cửa, cây trồng; nhận thức và trách nhiệm của một số lãnh đạo, chính quyền địa phương còn chưa đầy đủ, chưa huy động được sức mạnh của các lực lượng tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông khu vực nông thôn - miền núi.

Nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông cũng như những kỹ năng tham gia giao thông của người dân ở khu vực nông thôn - miền núi, góp phần kiểm chế và đẩy lùi tai nạn giao thông ở khu vực này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Giao thông vận tải xuất bản cuốn sách ***Sổ tay an toàn giao thông dùng cho khu vực nông thôn - miền núi***.

Cuốn sách cung cấp cho độc giả, đặc biệt là độc giả ở cấp cơ sở: xã, phường, thị trấn những kiến thức cơ bản về tình hình trật tự an toàn giao thông nói chung và công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn nông thôn - miền núi nói riêng; nhận biết một số hành vi vi phạm đặc trưng dẫn tới tai nạn thường diễn ra trên địa bàn nông thôn - miền núi; trích dẫn một số nội dung của pháp luật an toàn giao thông có liên quan trong các lĩnh vực giao thông vận tải.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 11 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Chương I

TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG Ở KHU VỰC NÔNG THÔN - MIỀN NÚI NƯỚC TA

1. Một số đặc điểm của giao thông vận tải khu vực nông thôn - miền núi ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông

Sự phát triển của nền kinh tế quốc dân khiến cho nhu cầu vận tải về người, hàng hóa cũng như hệ thống kết cấu hạ tầng và phương tiện giao thông gia tăng rất nhanh, trong đó có khu vực nông thôn - miền núi. Ở nước ta, khu vực nông thôn - miền núi có đủ các loại hình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa. Mỗi loại hình giao thông nói trên ở khu vực nông thôn - miền núi có những đặc điểm riêng, cụ thể:

- *Hệ thống giao thông đường bộ:*

Hệ thống giao thông đường bộ khu vực nông thôn - miền núi nước ta có một số đặc điểm sau:

+ Mạng lưới đường giao thông nông thôn - miền núi đa dạng, nhiều điểm giao cắt cùng mức, nối với hệ thống đường tỉnh và quốc lộ; kết cấu mặt đường

phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội, tự nhiên của từng vùng, từng miền của từng địa phương.

+ Mặt đường nhỏ hẹp, quanh co; chủ yếu là cấp thấp, thường gặp là mặt đường đất, cấp phối, đá dăm và cũng có thể là mặt đường thấm nhựa, láng nhựa, láng nhũ tương hoặc bê tông xi măng mác thấp trong đó đường đất chiếm tỷ lệ lớn.

+ Các công trình đường giao thông nông thôn - miền núi thường được xây dựng với những tiêu chuẩn thiết kế, độ bền sử dụng và tuổi thọ thấp hơn so với các công trình đường thuộc hệ thống đường tỉnh và quốc lộ.

+ Đa số đường giao thông nông thôn - miền núi là những tuyến đường chịu tải trọng khai thác không cao, dưới 10 tấn.

+ Hầu hết đường giao thông nông thôn - miền núi là những tuyến đường do huyện, xã, thôn quản lý, có lưu lượng giao thông tương đối thấp, không có hoặc có rất ít biển báo.

+ Giao thông đường bộ ở khu vực nông thôn - miền núi ở nước ta chủ yếu là giao thông hỗn hợp giữa xe ô tô, xe mô tô và các loại xe thô sơ. Lưu lượng giao thông của xe mô tô chiếm 65% tổng lưu lượng tham gia giao thông (gấp 19 lần lưu lượng tham gia giao thông của xe ô tô). Đây là một trong các nguyên nhân làm gia tăng tai nạn giao thông, vì phát sinh xung đột giao thông giữa các phương tiện có tốc độ và kích cỡ khác nhau.

- *Hệ thống giao thông đường sắt:*

Hệ thống hạ tầng giao thông đường sắt ở nước ta gồm 2.632 km đường sắt chính tuyến, 403 km đường ga, 85 km đường nhánh và 290 ga trạm¹. Hệ thống giao thông đường sắt đi qua khu vực nông thôn - miền núi nước ta có một số đặc điểm sau:

+ Đường sắt là loại đường khổ hẹp (1m); đi qua nhiều cầu, cống (có 1.813 cầu đường sắt, 5.128 cống đường sắt đi qua) ảnh hưởng đến độ an toàn chạy tàu, nhất là khi tàu chạy tốc độ cao.

+ Có nhiều đoạn đường bộ chạy song song liền kề đường sắt, nếu xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, thường ảnh hưởng đến hoạt động của đường sắt.

+ Hệ thống đường sắt có quá nhiều điểm giao cắt đồng mức với đường bộ. Số lượng đường ngang (đường bộ giao cắt với đường sắt) không có thiết bị cảnh báo an toàn chiếm gần 90% số lượng đường ngang (chủ yếu là đường dân sinh).

+ Các phương tiện, thiết bị, kết cấu hạ tầng đường sắt cũ kỹ; thiếu các thiết bị hỗ trợ bảo đảm an toàn chạy tàu.

- *Hệ thống giao thông đường thủy nội địa:*

Nước ta có hệ thống sông, kênh dày đặc với trên 2.360 con sông, kênh; chiều dài tổng số khoảng

1. Cục Đường sắt Việt Nam: *Báo cáo tổng kết năm 2014*.

220.000 km (trong đó có thể đưa vào khai thác sử dụng khoảng 41.900 km có độ sâu tối thiểu ở mức 0,8 m) tập trung chủ yếu ở hai vùng Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ. Bên cạnh đó còn có 196 cảng và trên 6.000 cảng, bến thủy nội địa, nối với biển qua 175 cửa sông (dọc bờ biển, trung bình cứ 23 km lại có một cửa sông). Bờ biển nước ta dài 3.260 km, diện tích biển gần 1 triệu km² với hơn 3 nghìn hòn đảo, trên 100 cảng, cụm cảng biển, có hàng nghìn km đường ra đảo tạo thành mạng lưới giao thông đường thủy vận tải liên hoàn rất thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa giữa các địa phương và các vùng, miền.

Hệ thống giao thông đường thủy nội địa khu vực nông thôn - miền núi nước ta có một số đặc điểm sau:

+ Đường thủy nội địa chủ yếu được khai thác tự nhiên, việc cải tạo nâng cấp còn hạn chế; thường xuyên chịu tác động của các yếu tố địa lý, khí hậu, thời tiết... thường làm cho luồng lạch bị thay đổi, nhiều khi bất ngờ.

+ Đường thủy nội địa dài, rộng nhưng chủ yếu đi qua các địa bàn hẻo lánh và luôn gắn chặt với đời sống nhân dân ven tuyến.

+ Nhiều tuyến đường thủy nội địa trong từng khu vực còn chưa đồng cấp; một số tuyến thường xuyên bị khan cạn, gây ách tắc giao thông hoặc bị

chia cắt bởi các công trình thủy lợi, đặng đáy cá, nuôi trồng thủy sản; nhiều kênh, rạch có chiều rộng hẹp gây không ít khó khăn cho hoạt động vận tải thủy.

+ Trên các luồng tuyến đường thủy nội địa của cả nước nhiều nơi có đá ngầm, đập ngăn, bờ sông có nhiều chỗ bị sụt lở, chiều rộng khoảng thông thuyền nhỏ, tĩnh không cầu hoặc công trình vượt sông thấp.

+ Việc khai thác, sử dụng đường thủy nội địa của nhân dân dựa vào tập quán, truyền thống nên mang nặng tính tự phát. Trình độ hiểu biết pháp luật về trật tự an toàn giao thông của người dân còn thấp và ít được tuyên truyền, phổ biến.

+ Phương tiện tham gia giao thông trên đường thủy nội địa vẫn còn mang đậm tính truyền thống dân gian với nhiều chủng loại, kiểu dáng ít thỏa mãn các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Một số cảng thủy nội địa chưa bảo đảm yêu cầu về cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhất là những cảng cũ đã qua sử dụng, khai thác nhiều năm bị xuống cấp, không bảo đảm an toàn trong khai thác.

+ Đường thủy nội địa không chỉ được khai thác giao thông vận tải mà còn được nhiều ngành quản lý, sử dụng như thủy lợi, thủy sản, xây dựng, môi trường, du lịch, cảng vụ... Đồng thời thường là ranh giới hành chính giữa các địa phương.

2. Thực trạng trật tự an toàn giao thông ở khu vực nông thôn - miền núi trong những năm gần đây

Theo Ủy ban an toàn giao thông quốc gia, cùng với sự phát triển của kết cấu hạ tầng giao thông, tình hình an toàn giao thông (ATGT) ở các khu vực nông thôn - miền núi cũng diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất trật tự an toàn giao thông và gia tăng tai nạn giao thông.

Theo thống kê của Ủy ban an toàn giao thông quốc gia, năm 2013 các vụ tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn nông thôn - miền núi chiếm 29,3% (chiếm khoảng 1/4 số vụ). Tuy nhiên, trong 9 ngày nghỉ Tết Giáp Ngọ năm 2014, có đến 70% số vụ, số người chết và số người bị thương lại ở địa bàn nông thôn - miền núi (chủ yếu lại liên quan đến người điều khiển phương tiện xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm, uống rượu, bia, không quan sát...).

Trên đường bộ, tình trạng phương tiện mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông ở khu vực nông thôn - miền núi không bảo đảm an toàn; xe mô tô, xe gắn máy cũ từ các đô thị lớn dồn về khu vực nông thôn - miền núi vẫn còn tiếp diễn. Bên cạnh đó, mặc dù các cơ quan chức năng đã cố gắng hạn chế nhưng loại xe tự chế không bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn vẫn còn nhiều.

Khu vực nông thôn - miền núi vẫn còn nhiều người điều khiển phương tiện không có giấy phép lái xe, không đủ tuổi vẫn điều khiển mô tô, xe máy tham gia giao thông; không đội mũ bảo hiểm và không chấp hành các quy tắc giao thông khi tham gia giao thông vẫn phổ biến ở khu vực này. Kỹ năng điều khiển phương tiện của người dân khu vực nông thôn - miền núi không cao, xử lý tình huống kém. Do vậy khi tai nạn xảy ra, hậu quả thường nghiêm trọng.

Trên đường sắt, tình trạng vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt diễn ra phổ biến. Tình hình trật tự an toàn giao thông ở các đường ngang, nhất là đường ngang dân sinh vẫn diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn giao thông. Nạn ném đất đá lên tàu, nhảy lên tàu hoặc xuống tàu khi tàu đang chạy; nạn lấy cắp thiết bị, vật tư đường sắt; đặt chướng ngại vật lên đường sắt... vẫn tiếp diễn, nhất là ở khu vực nông thôn - miền núi.

Nhiều địa phương hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xâm phạm nghiêm trọng để làm nhà ở, lều quán, hạp chợ, tập kết vật liệu... Một số địa phương còn cấp đất cho dân ở dọc theo đường sắt, dẫn đến tình trạng dân tự mở lối đi trái phép ngang qua đường sắt ngày càng nhiều; tình trạng đi, đứng, nằm, ngồi, đùa nghịch trên đường

sắt khu vực nông thôn - miền núi vẫn còn xảy ra, gây cản trở chạy tàu, để xảy ra tai nạn, nhiều vụ rất nghiêm trọng.

Trên đường thủy nội địa, tình trạng năm "không" (không đăng ký, không đăng kiểm, không chứng chỉ chuyên môn, không bằng cấp, không đủ các điều kiện an toàn đối với các phương tiện, bến chở khách ngang sông) vẫn diễn ra phổ biến ở nhiều địa phương. Qua tổng điều tra phương tiện và người điều khiển phương tiện thủy nội địa (trừ phương tiện thủy sản, phương tiện quốc phòng, an ninh) thì tình trạng phương tiện không đăng ký, không đăng kiểm, thuyền viên, người lái phương tiện không có bằng, chứng chỉ chuyên môn còn chiếm tỷ lệ rất cao.

Việc mở bến, bãi hoạt động không phép; phương tiện (đò) và bến chở khách ngang sông (bến đò) không bảo đảm điều kiện an toàn theo luật quy định; hàng loạt vi phạm như phương tiện chở quá tải, quá số người quy định. Tình trạng lấn chiếm luồng chạy tàu, thuyền và hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa gây cản trở đến hoạt động giao thông vận tải. Việc nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản và khai thác tài nguyên trái phép gây mất trật tự an toàn giao thông, làm sạt lở đê điều, nhà cửa, công trình ven sông, trên kênh diễn ra ở hầu hết các địa phương.

Tình trạng các tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện khai thác cát, sỏi, tài nguyên, kinh doanh trái phép làm thay đổi luồng chảy tàu, thuyền diễn biến rất phức tạp. Theo tính toán của 43 địa phương thì lượng cát, sỏi khai thác hằng năm khoảng 77.905.380 m³, riêng lượng cát, sỏi khai thác tự do, trái phép hiện không tính toán được con số cụ thể¹. Việc khai thác cát, sỏi diễn ra hầu hết trên các tuyến sông như sông Hồng, sông Đà, sông Cầu, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Trà Lý, sông Kinh Thầy, sông Mã, sông Chu, sông Lam, sông Hiếu, sông Trà Khúc, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Tiên, sông Hậu, sông Soài Rạp... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến luồng, lạch, dòng chảy, là nguyên nhân gây ra nhiều vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

Tình trạng xây dựng các công trình, đặng đáy, sử dụng xung điện, kích điện, chất nổ đánh bắt thủy sản trái phép... diễn ra ngày càng nhiều trên đường thủy nội địa.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do người dân thiếu hiểu biết pháp luật về trật tự an toàn giao thông, lại chưa tự giác chấp hành luật pháp khi tham gia giao thông. Bằng chứng

1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: *Báo cáo tổng kết năm 2013*.

là tỷ lệ người vi phạm trật tự an toàn giao thông ở khu vực nông thôn - miền núi vẫn ở mức cao. Mặt khác, sự gia tăng nhanh chóng của các loại phương tiện cơ giới, đặc biệt là phương tiện xe mô tô, xe gắn máy ở khu vực nông thôn - miền núi cũng là nguyên nhân khiến tai nạn giao thông gia tăng.

Hiện nay, phần lớn đường giao thông nông thôn đã được cải tạo mở rộng, nâng cấp, bê tông hóa nhưng lại thiếu hệ thống biển báo và các thiết bị bảo đảm an toàn giao thông; tầm quan sát bị hạn chế bởi cây xanh và nhà ở. Thêm nữa, nhiều địa phương chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông ở khu vực nông thôn - miền núi để huy động các lực lượng tham gia bảo đảm an toàn giao thông.

Bên cạnh đó, đường khu vực nông thôn - miền núi thường có nhiều ngã rẽ, trong khi đó lực lượng chức năng làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông mỏng, những vi phạm diễn ra hầu như không bị xử lý. Song các hành vi vi phạm không được xử lý một phần là do đa phần những người vi phạm đều là anh, em, con cháu trong họ và người làng. Về tuần tra kiểm soát, các lực lượng thường tập trung xử phạt tuyến liên huyện, liên tỉnh, còn tại địa bàn nông thôn - miền núi gần như không xử phạt, cơ bản chỉ nhắc nhở.

3. Kinh nghiệm bảo đảm trật tự an toàn giao thông khu vực nông thôn - miền núi ở một số địa phương

3.1. Giải pháp bảo đảm an toàn giao thông khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Trong những năm qua, hạ tầng giao thông nông thôn - miền núi của tỉnh được nâng cấp, đầu tư mạnh mẽ; nhất là đã có sự vào cuộc mạnh mẽ của người dân trong việc chung sức xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, với sự gia tăng nhanh chóng của các loại phương tiện giao thông, cộng với ý thức tự giác chấp hành pháp luật giao thông của một bộ phận người dân chưa cao, dẫn đến trật tự an toàn giao thông khu vực nông thôn - miền núi trong tỉnh hiện diễn biến khá phức tạp.

Hai tháng đầu năm 2014, toàn tỉnh xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông, làm 22 người chết, 21 người bị thương. Trong đó, tai nạn giao thông xảy ra ở khu vực nông thôn, các tuyến quốc lộ qua vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh có chiều hướng tăng, chiếm gần 20% số vụ. Nguyên nhân là do công tác bảo đảm an toàn giao thông các tuyến đường nông thôn còn nhiều hạn chế. Đường giao thông nông thôn tuy được cải tạo, mở rộng, nâng cấp bê tông hóa, nhưng hiện còn thiếu hệ thống chiếu sáng,

biển báo và thiết bị bảo đảm an toàn giao thông, tầm nhìn tại các điểm giao cắt bị che khuất bởi nhà cửa, cây cối... Đường giao thông còn hẹp, trong khi phương tiện giao thông, nhất là xe mô tô, xe gắn máy gia tăng nhanh. Nhưng đáng lo hơn cả là nhiều người dân khu vực nông thôn hiểu biết về pháp luật giao thông còn hạn chế, vẫn vô tư điều khiển phương tiện theo kiểu "đường ta ta cứ đi", điều khiển khi chưa có giấy phép lái xe, chở quá số người quy định, sử dụng rượu bia, không đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe gắn máy... nên khi xảy ra tai nạn giao thông thường khá nghiêm trọng.

Hiện lực lượng chức năng làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nhất là khu vực nông thôn còn mỏng, nên những vi phạm về an toàn giao thông diễn ra hàng ngày, hàng giờ, song hầu như không bị xử lý. Mặc dù, Bộ Công an đã có văn bản cho phép, hướng dẫn công an xã, thị trấn tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông, được xử lý các hành vi vi phạm, nhưng những hành vi vi phạm pháp luật giao thông ở các tuyến đường liên thôn, liên xã lại dễ được "thông cảm" vì "cùng làng, cùng xã" ... Vấn đề này đã vô tình "tiếp tay" cho những vi phạm, kéo theo là tai nạn giao thông gia tăng.

3.2. Triển khai một số giải pháp bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn nông thôn, miền núi Sông Hình - Phú Yên

Sông Hình là huyện miền núi có quốc lộ 29, đường tỉnh 649 đi qua. Những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, hệ thống giao thông nông thôn - miền núi trên địa bàn huyện được đầu tư, nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

Bên cạnh những mặt thuận lợi đó, thời gian qua, tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện Sông Hình diễn biến phức tạp. Do là địa bàn miền núi, trình độ dân trí, ý thức tự giác chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông của một số người dân, nhất là ở lứa tuổi thanh thiếu niên chưa cao. Tình trạng điều khiển phương tiện tham gia giao thông không có giấy phép lái xe, chở 3, không đội mũ bảo hiểm, uống rượu bia vượt nồng độ cồn cho phép điều khiển phương tiện giao thông vẫn còn xảy ra. Đây là những nguyên nhân chính gây ra tai nạn giao thông.

Theo số liệu thống kê, trong năm 2012 và 3 tháng đầu năm 2013, trên địa bàn huyện Sông Hình xảy ra 11 vụ tai nạn giao thông, làm chết 11 người, bị thương 21 người, trên 900 trường hợp vi phạm về trật tự an toàn giao thông, ngành chức

năng tạm giữ 563 phương tiện ô tô, mô tô, máy kéo vi phạm¹.

Trước tình hình trên, nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn, Công an huyện Sông Hinh đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông cho bà con ở các thôn, buôn trong huyện. Mặt trận, đoàn thể, các ngành chức năng và Ban an toàn giao thông các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nâng cao ý thức, gương mẫu chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông và tổ chức cho trên 12.000 hộ dân ký cam kết bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện tổ chức tập huấn cho giáo viên tiểu học ở 13 trường trên địa bàn huyện; chỉ đạo ban giám hiệu các trường thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông cho cán bộ, giáo viên và học sinh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện xây dựng mô hình "Câu lạc bộ điểm an toàn giao thông - phòng chống tội phạm" tại 2 xã Ea Ly và Đức Bình Tây.

Với chủ đề "Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thực thi công vụ và ý thức của người

1. Ban An toàn giao thông tỉnh Phú Yên: *Báo cáo tình hình tai nạn giao thông năm 2012 và 3 tháng đầu năm 2013.*

tham gia giao thông", trong năm 2013, Công an huyện phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông; thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền trong đó chú trọng đến tuyên truyền trực quan, tuyên truyền trên hệ thống phát thanh - truyền hình, kể cả tuyên truyền bằng tiếng Ê Đê đến với đồng bào dân tộc thiểu số.

Lực lượng cảnh sát giao thông tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông, đẩy mạnh việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông được ghi lại bằng hình ảnh. Công an xã rà soát, lên danh sách các đối tượng vi phạm và mời đến làm việc, giáo dục, cam kết không vi phạm trật tự an toàn giao thông. Với những biện pháp tích cực tin tưởng trong thời gian tới sẽ tạo sự chuyển biến tích cực mạnh mẽ trong việc chấp hành Luật giao thông đường bộ của người dân, góp phần mang lại sự bình yên trên những tuyến đường.

3.3. Tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông vùng nông thôn tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi, địa hình rộng, phức tạp và chia cắt. Mặc dù vậy, những năm qua, được sự đầu tư của Nhà nước, hệ thống hạ tầng

giao thông nông thôn đã có bước phát triển nhanh chóng, đáp ứng cơ bản nhu cầu đi lại trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân vùng nông thôn. Tuy nhiên, trên địa bàn này còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn giao thông ở cả kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện và người tham gia giao thông.

Theo Ban an toàn giao thông tỉnh: Chỉ tính riêng trong tháng 2 năm 2014, toàn tỉnh xảy ra 15 vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ, làm 13 người chết, 11 người bị thương; Lực lượng công an tỉnh thanh tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông 3.230 trường hợp... Nếu tính 2 tháng đầu năm 2014, tai nạn giao thông xảy ra ở khu vực nông thôn, các tuyến đường tỉnh qua vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh chiếm 30,55% và vẫn có chiều hướng tăng¹. Nguyên nhân là do hiểu biết pháp luật về trật tự an toàn giao thông của người dân trong khu vực còn hạn chế, chưa tự giác chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông, tỷ lệ người vi phạm trật tự an toàn giao thông còn ở mức cao, nhất là người điều khiển mô tô, xe máy; đường giao thông nông thôn tuy được cải tạo mở rộng, nâng cấp bê tông hóa, cứng hóa mặt

1. Ban An toàn giao thông tỉnh Lâm Đồng: *Báo cáo tình hình tai nạn giao thông 2 tháng đầu năm 2014*.

đường nhưng còn thiếu hệ thống chiếu sáng, biển báo và thiết bị bảo đảm an toàn giao thông, tầm nhìn tại các điểm giao cắt bị che khuất bởi nhà cửa, cây trồng. Bên cạnh đó, nhận thức trách nhiệm của một số lãnh đạo, chính quyền cấp cơ sở còn chưa đầy đủ, chưa huy động được các lực lượng bảo đảm trật tự an toàn giao thông khu vực nông thôn.

Nhằm ngăn chặn tình trạng tai nạn giao thông gia tăng ở khu vực nông thôn, các cấp và các ngành liên quan cần tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật trật tự an toàn giao thông của người dân khi tham gia giao thông; huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống giao thông nông thôn bảo đảm an toàn, đồng thời huy động các lực lượng bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tạo sự chuyển biến trong hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới...

Bên cạnh mục tiêu phấn đấu đến cuối năm 2017, cơ bản 100% số xã (118 xã) ở Lâm Đồng đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, vấn đề tăng cường giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn nông thôn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; trong đó một số đơn vị hữu quan phải vào cuộc một cách tích cực.

Đối với Hội Nông dân các cấp cần tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Nông dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông" với 3 nội dung trọng tâm: Tuyên truyền, vận động người dân ở nông thôn thực hiện các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tham gia xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn an toàn; phổ biến, hướng dẫn và vận động người dân kỹ năng điều khiển các phương tiện giao thông an toàn. Trọng tâm là tuyên truyền, phổ biến pháp luật giao thông, nâng cao ý thức tự giác chấp hành quy tắc giao thông, tuân thủ quy định tốc độ, phòng chống việc uống rượu bia điều khiển phương tiện, đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, bảo đảm an toàn đường thủy đối với khu vực nông thôn.

Bên cạnh đó, các cấp tổ chức Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... quan tâm đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Toàn dân tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông", "Phụ nữ tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông vì hạnh phúc của mỗi gia đình", "Cựu chiến binh Việt Nam tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông" và tuyên truyền tiêu chí "Văn hóa giao thông" đến hội viên, đoàn viên...

Đối với Ban An toàn giao thông xã, thị trấn cần tăng cường chỉ đạo lực lượng công an xã phối hợp với lực lượng công an huyện tăng cường tuần tra

kiểm soát trên địa bàn phức tạp; phát huy vai trò các tổ tự quản an toàn giao thông để tuyên truyền, vận động người dân thực hiện pháp luật về trật tự an toàn giao thông, giải tỏa các chướng ngại, bảo đảm hành lang an toàn các tuyến đường thuộc đường nông thôn, khu vực chợ ở địa phương.

3.4. Bảo đảm an toàn giao thông ở các huyện miền núi dọc đường Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thời gian qua, nhiều tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường giao thông nông thôn, nhất là đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 15A, Quốc lộ 217 trên địa bàn các huyện miền núi: Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Như Xuân tình trạng xảy ra tai nạn giao thông có chiều hướng gia tăng.

Trong 7 tháng của năm 2013, trên địa bàn các huyện miền núi, dọc đường Hồ Chí Minh vẫn xảy ra 17 vụ tai nạn giao thông, làm chết 7 người, bị thương 4 người. Riêng huyện Cẩm Thủy tai nạn giao thông giảm, các huyện còn lại tai nạn giao thông đều tăng so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn giao thông là do người điều khiển phương tiện đi không đúng phần đường, thiếu chú ý quan sát, chạy quá tốc độ quy định, tránh vượt sai quy định. Ngoài ra, tình trạng uống rượu, bia quá nồng độ nhưng vẫn điều khiển phương tiện cơ giới tham gia giao thông; người ngồi trên xe mô tô,

xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm vẫn xảy ra nhiều, nhất là chiều muộn hàng ngày.

Tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ, nhất là tuyến đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 15A, Quốc lộ 217 để kinh doanh; đổ vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng, lề đường... vẫn liên tục xảy ra nhưng chính quyền địa phương, lực lượng chức năng và đơn vị quản lý đường bộ vẫn chưa có biện pháp xử lý hữu hiệu.

Hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu giao thông đường bộ chưa được quan tâm đầu tư lắp đặt theo quy định. Nhiều tuyến đường đấu nối ra các tuyến quốc lộ, nhất là đường Hồ Chí Minh, chưa lắp đặt biển cảnh báo hay xây dựng gờ giảm tốc, nên rất nguy hiểm cho người điều khiển phương tiện tham gia giao thông, nhất là đối với những người điều khiển phương tiện phóng nhanh, vượt ẩu, thiếu chú ý quan sát. Xe ô tô, nhất là xe chở hàng hóa quá tải tham gia giao thông ngày càng tăng đã làm hư hỏng nhiều tuyến đường giao thông nông thôn, đường tỉnh, Quốc lộ 15A, Quốc lộ 217, gây khó khăn cho người và phương tiện tham gia giao thông, tiềm ẩn gây tai nạn giao thông.

Trước tình hình đó, các địa phương đang tập trung thực hiện các giải pháp tuyên truyền, lập lại hành lang an toàn đường bộ, xử lý vi phạm tốc độ, xe ô tô chở quá khổ, quá tải...

Ban An toàn giao thông các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Như Xuân, cùng các lực lượng chức năng của các địa phương, các đơn vị có liên quan đã và đang tập trung thay đổi phương pháp tuyên truyền các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông với các biện pháp cụ thể, thiết thực. Trong đó, tập trung tuyên truyền đến các cơ quan, trường học, khu phố, cụm dân cư; chú trọng nâng cao nhận thức về pháp luật an toàn giao thông cho lực lượng thanh niên điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Đồng thời, phát động cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức trong tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể, lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Phối hợp với lực lượng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh, thanh tra giao thông trong việc xử lý xe cơ giới vi phạm tốc độ, xe ô tô chở hàng hóa quá tải. Trong quá trình tuần tra, kiểm soát, lực lượng chức năng còn kết hợp xử lý vi phạm với việc tuyên truyền chấp hành các quy định của người tham gia giao thông tại các điểm đầu nối ra quốc lộ, đường Hồ Chí Minh tại trung tâm xã Thạch Quảng (Thạch Thành); Quốc lộ 217 đầu nối đường Hồ Chí Minh và ngã ba rẽ vào thị trấn Cẩm Thủy; Quốc lộ 15A giao với đường Hồ Chí Minh

(Ngọc Lặc); Quốc lộ 45 giao với đường Hồ Chí Minh (Như Xuân)...

3.5. Giải pháp bảo đảm an toàn giao thông nông thôn ở Thái Thụy - Thái Bình

Thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011 - 2015, thời gian qua, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn đã có bước phát triển nhanh chóng, làm cho giao thông nông thôn thay đổi một cách căn bản, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. Tuy nhiên, tai nạn giao thông đường bộ trên địa bàn nông thôn liên tục tăng, chiếm 60% tai nạn giao thông toàn tỉnh.

Theo thống kê của Công an huyện Thái Thụy, năm 2013 trên địa bàn huyện đã xảy ra 23 vụ tai nạn giao thông, làm chết 15 người, bị thương 21 người. Trong đó, riêng đường liên xã đã xảy ra 10 vụ làm chết 7 người, bị thương 11 người¹. Khảo sát một số tuyến đường bộ trên địa bàn huyện Thái Thụy cho thấy, mặc dù đã được duy tu, bảo dưỡng, nhiều tuyến đường được nâng cấp nhưng hệ thống đường giao thông nông thôn ở huyện Thái Thụy vẫn còn nhiều bất cập. Nhiều tuyến đường xuống cấp nghiêm trọng như đường 458, 459; một số

1. Ban An toàn giao thông tỉnh Thái Bình: *Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2013*.

tuyến đường đang nâng cấp, sửa chữa, tiến độ chậm gây cản trở giao thông. Hệ thống đường liên xã, đường ngang, đường dân sinh giao cắt với đường chính bị che khuất tầm nhìn, là một trong những nguyên nhân chính gây ra tai nạn giao thông. Trong khi đó, mật độ người, phương tiện tham gia giao thông ngày càng tăng cao, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông của đa số người dân chưa tốt. Nhất là tình trạng vi phạm hành lang an toàn giao thông như: bày bán hàng hóa, tập kết vật liệu xây dựng, đặt biển quảng cáo, tổ chức họp chợ, phơi thóc lúa, rơm rạ trong những ngày mùa, lấn chiếm lòng đường... chưa được các xã tập trung giải quyết.

Tình trạng người điều khiển ô tô, xe máy vi phạm các quy định về tốc độ, tránh vượt, chuyển hướng, không nhường đường tại nơi giao nhau theo kiểu "đường ta, ta cứ đi", không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe máy, xe đạp điện, lái xe khi đã sử dụng rượu, bia diễn ra khá phổ biến.

Chính quyền và các ngành chức năng huyện Thái Thụy đã xác định những nguyên nhân làm cho tai nạn giao thông liên tục tăng ở địa bàn nông thôn như: Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, nhất là ở cơ sở chưa được quan tâm, duy trì thường xuyên, chưa có nội dung sát thực mà vẫn nặng tính hình thức. Một số cấp ủy, chính quyền chưa xác định công

tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa tai nạn là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, có biểu hiện xem nhẹ, ỷ lại cho các cơ quan chức năng; chưa có các giải pháp và cách thức tổ chức thực hiện cụ thể, chỉ đạo thiếu quyết liệt. Lực lượng Công an xã chưa phát huy vai trò nòng cốt ở cơ sở. Một số mô hình tự quản về an toàn giao thông chưa được quan tâm đầu tư để động viên, khuyến khích nên hiệu quả chưa cao. Công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm tuy đã được tập trung, nhưng do địa bàn huyện rộng, lực lượng tuần tra kiểm soát thiếu nên chưa khép kín được các tuyến đường, nhất là đường liên xã. Việc tuần tra kiểm soát ngoài giờ hành chính còn hạn chế.

Sau khi xác định được các nguyên nhân như trên, chính quyền và các ngành chức năng huyện Thái Thụy đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để người dân nắm vững và thực hiện nghiêm túc pháp luật an toàn giao thông đường bộ; huy động sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả của các cấp, các ngành và toàn dân; tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo sát sao, sự hỗ trợ, giúp đỡ hiệu quả của các ngành chức năng... góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông đến mức thấp nhất, mang lại sự bình yên cho người dân, góp phần khởi sắc diện mạo nông thôn mới.

3.6. Tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Long

Ban An toàn giao thông tỉnh tích cực tuyên truyền pháp luật về trật tự an toàn giao thông, các nguy cơ, nguyên nhân gây tai nạn giao thông ở khu vực nông thôn đến thôn, làng, bản, khu dân phố. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các biện pháp phòng, tránh tai nạn mô tô, xe gắn máy như: Đội mũ bảo hiểm bảo đảm chất lượng; tuân thủ tốc độ quy định; giảm tốc độ và quan sát khi từ đường phụ ra đường chính, qua đường sắt; đã uống rượu, bia không lái xe; xe mô tô không chở 3, chở 4 người; chấp hành quy định an toàn khi đi đò.

Sở Giao thông vận tải phối hợp với các địa phương và các cơ quan truyền thông tuyên truyền, vận động người dân phát quang cây cối, chỉnh sửa tường rào để bảo đảm tầm nhìn tại các điểm giao cắt trên đường liên xã, liên thôn. Đồng thời, tăng cường quản lý các hoạt động kinh doanh vận tải và kiểm soát tải trọng của phương tiện trên các tuyến đường bộ nói chung và các tuyến giao thông nông thôn nói riêng; tổ chức đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A4 cho người nghèo, vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc. Bên cạnh đó, đầu tư nâng cấp kết cấu, hạ tầng, sửa chữa, bảo trì đường bộ, xử lý các "điểm đen", hoàn thiện hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu ở các khu vực có

nguy cơ gây mất an toàn giao thông. Hướng dẫn các địa phương tổ chức khảo sát lắp đặt hệ thống cọc tiêu, biển báo, làm gờ, gờ giảm tốc từ đường phụ ra đường chính và thiết bị bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến giao thông nông thôn.

Tăng cường phối hợp kiểm tra liên ngành về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; huy động lực lượng công an các cấp, thanh tra giao thông vận tải và các lực lượng chức năng khác tăng cường việc tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm ở các tuyến đường nông thôn thường xảy ra tai nạn; xử lý nghiêm, kiên quyết những đối tượng thanh, thiếu niên lái xe lạng lách, đánh võng, không đội mũ bảo hiểm, không có giấy phép lái xe; phương tiện thường xuyên chở quá tải, quá số người quy định hoặc ý thức chấp hành pháp luật kém có thể gây tai nạn giao thông.

3.7. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang

Hiện nay, tỉnh Kiên Giang có 7.084 km đường giao thông nông thôn, có mặt đường rộng từ 1,5 mét đến 3 mét¹, thường bị che khuất tầm nhìn do cây cối phát triển, hệ thống chiếu sáng không có,

1. Ban An toàn giao thông tỉnh Kiên Giang: *Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm an toàn giao thông năm 2014.*

đường thường có các cua cong do xây dựng theo các tuyến dân cư... Tai nạn giao thông ở các tuyến đường giao thông nông thôn có chiều hướng gia tăng, nguyên nhân chính là do người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phóng nhanh, vượt ẩu; uống rượu, bia; đối tượng gây tai nạn giao thông chủ yếu là thanh thiếu niên ở nông thôn. Bên cạnh đó, Công an cấp xã chưa đáp ứng đủ số lượng để tuần tra, kiểm soát phủ kín địa bàn, cũng như chưa có thẩm quyền xử phạt các lỗi phổ biến nguy hiểm của thanh thiếu niên nông thôn như: uống rượu, bia; phóng nhanh, vượt ẩu; người chưa đủ tuổi hoặc không có giấy phép điều khiển phương tiện.

Trước tình hình đó, nhằm bảo đảm công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại địa bàn nông thôn, chính quyền các cấp của tỉnh Kiên Giang đã và đang tăng cường chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, đồng bộ một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tăng cường lực lượng Cảnh sát giao thông phối hợp với Công an xã tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm ở các tuyến đường giao thông nông thôn thường xảy ra tai nạn. Duy trì tập huấn công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông cho lực lượng Công an xã; đồng thời, phân công mỗi cán bộ, chiến sĩ cảnh sát giao thông cấp huyện phụ trách 01 hoặc 02 xã, thị trấn để nắm tình hình, hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ Công an xã tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông.

- Công an xã phối hợp cùng lực lượng thanh niên tình nguyện, các tổ chức đoàn thể cấp xã, tổ nhân dân tự quản tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật an toàn giao thông đến xóm ấp, địa bàn khu dân cư; tăng cường công tác tuần tra kiểm soát tại các điểm, đoạn thường xảy ra tai nạn ở các tuyến đường giao thông nông thôn; nắm những đối tượng thanh thiếu niên lái xe lạng lách có thể gây tai nạn giao thông và lập danh sách để phối hợp các ngành chức năng tuyên truyền, giáo dục.

- Lắp đặt hệ thống biển báo và thiết bị bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn giao thông nông thôn; làm gờ giảm tốc từ đường phụ ra đường chính. Phối hợp với các địa phương vận động người dân phát quang cây cối, chỉnh sửa tường rào để bảo đảm tầm nhìn tại các điểm giao cắt trên đường liên xã, liên thôn.

- Tích cực tuyên truyền pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, các nguy cơ và nguyên nhân tai nạn giao thông khu vực nông thôn từ tỉnh đến xóm ấp; phát huy tối đa hệ thống truyền thanh cấp huyện để tuyên truyền về pháp luật an toàn giao thông.

- Chỉ đạo các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tăng cường giáo dục kiến thức an toàn giao thông cho học sinh, thường xuyên nhắc nhở học sinh chấp hành các quy tắc giao thông.

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động: "Toàn dân tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông"; cuộc vận động: "Phụ nữ tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông vì hạnh phúc của mỗi gia đình"; cuộc vận động "Cựu chiến binh Việt Nam tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông"; "Nông dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông".

- Thí điểm tổ chức các Đội tuyên truyền lưu động về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên đường nông thôn. Thí điểm xây dựng các biển cảnh báo an toàn giao thông, gỡ giảm tốc tại đầu các đường trục chính lộ nông thôn, đường liên ấp, liên xã. Tăng cường phối hợp kiểm tra liên ngành về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tập trung kiểm tra những địa bàn có tai nạn giao thông tăng cao.

3.8. Tăng cường giải pháp để kiểm chế tai nạn giao thông ở nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Năm 2013, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có hơn 5.500 km đường liên thôn, liên xã, chiếm 54,82% tổng chiều dài đường bộ của tỉnh, 100% xã có đường ô tô vào tận trung tâm¹.

1. Ban An toàn giao thông tỉnh Gia Lai: *Báo cáo công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2013*.

Trong những tháng đầu năm 2013, tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai diễn biến phức tạp, số người chết do tai nạn giao thông tăng hơn 15%. Nếu những năm trước, tai nạn giao thông chủ yếu xảy ra trên các tuyến quốc lộ, thì thời gian qua lại diễn ra theo một chiều hướng khác. Khi tình hình tai nạn giao thông trên tuyến quốc lộ, tỉnh lộ đã được kiềm chế và kéo giảm, thì trên các tuyến đường liên thôn, liên xã lại đang "nóng" lên. Hai tháng đầu năm 2014, trên các tuyến giao thông nông thôn đã xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông, chiếm 37,5% tổng số vụ (tăng hơn 20% so với năm 2013), chủ yếu liên quan đến xe mô tô.

Qua phân tích lỗi, nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông chủ yếu do người điều khiển phương tiện tham gia giao thông thiếu ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ, trong đó, chủ yếu các hành vi vi phạm như: Sử dụng rượu bia, không đội mũ bảo hiểm, không chú ý quan sát, chở quá số người quy định...

Trong số các vụ tai nạn xảy ra thời gian qua, chủ yếu liên quan đến xe mô tô (56%), nên trong thời gian tới, cùng với những giải pháp khác, Ban an toàn giao thông tỉnh sẽ đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt là các tuyến đường nông thôn...

Để giảm tai nạn giao thông trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tăng cường hoạt động của các đội tự quản tại các xã, thị trấn... để tham gia bảo đảm an toàn giao thông tại địa phương. Tỉnh sẽ cân đối ngân sách để có nguồn kinh phí hỗ trợ cho các tổ tự quản hoạt động hiệu quả hơn. Bên cạnh những giải pháp trên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố đã phát động được gần 300 ngàn hộ dân và 300 khu dân cư đăng ký bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Bên cạnh đó, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị tổ chức tuyên truyền tại các trường học trên những địa bàn trọng điểm, thường xuyên xảy ra tai nạn giao thông (đến nay đã có 10 trường Trung học cơ sở và 9 điểm tuyên truyền cho người dân) và sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền với phương thức "mưa dầm thấm lâu"...

Trong nỗ lực để kiềm chế tai nạn giao thông, cần có những chính sách khen thưởng kịp thời với người dân có những cống hiến trong việc bảo đảm an toàn giao thông (như hiến đất làm đường, đóng góp ngày công...). Đồng thời, cần nhân rộng những cách làm hay như: "Tận dụng uy tín của các già làng, các chức sắc tôn giáo để tuyên truyền Luật giao thông đường bộ đến tận người dân" của Công an huyện Chư Pah hay: "Gắn biển phản quang

cho xe công nông, xe độ chế" của Công an huyện Chư Pưh đến các địa phương khác để đạt được mục tiêu giảm từ 5% đến 10% số vụ và số người chết do tai nạn giao thông như Nghị quyết của Chính phủ.

Chương II

NHẬN BIẾT MỘT SỐ HÀNH VI NGUY HIỂM Ở KHU VỰC NÔNG THÔN - MIỀN NÚI CẦN PHÒNG TRÁNH KHI THAM GIA GIAO THÔNG

1. Không đội mũ bảo hiểm, đội mũ bảo hiểm cài quai không đúng cách

Việc đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện là nhằm phòng ngừa và tránh chấn thương sọ não khi có tai nạn giao thông hoặc va chạm giao thông xảy ra nhằm bảo đảm an toàn cho chính người tham gia giao thông.

Chính vì vậy, việc đội mũ bảo hiểm phải đạt được các yêu cầu: Mũ phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, đội mũ phải cài quai đúng quy cách. Trên thực tế, nếu cài quai không đúng quy cách như cài quá lỏng hoặc quá chặt thì việc đội mũ không có tác dụng và khi tai nạn, va chạm xảy ra sẽ dẫn đến chấn thương gây nguy hiểm đến tính mạng. Như vậy, việc đội mũ bảo hiểm phải cài quai đúng quy cách là quy định của pháp luật.

Đối với những người đội mũ bảo hiểm không cài quai hoặc cài quai phía sau gáy là thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật và có thể coi đó là hành vi chống đối, cần phải xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật.

Người điều khiển, người ngồi trên mô tô, xe máy, xe đạp điện khi tham gia giao thông đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai thì coi như không đội mũ bảo hiểm và bị xử phạt đối với hành vi không đội mũ bảo hiểm.



2. Sử dụng rượu, bia, chất kích thích

Có thể nói, rượu, bia đã trở thành đồ uống "không thể thiếu được" trong các bữa tiệc nhất là đối với nam giới, được mọi người sử dụng nhiều trong các dịp lễ, tết, cưới hỏi...

Rượu, bia và các chất kích thích khác sẽ khiến tinh thần của bạn trở nên phấn chấn, trí tưởng tượng bay xa hơn và gây xao nhãng việc lái xe, phán đoán sai tình huống giao thông, chạy quá tốc

độ quy định. Rượu, bia còn gây buồn ngủ, rất nguy hiểm khi đang điều khiển phương tiện giao thông.

Khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định nghiêm cấm: "Người điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở".

Tốt nhất là không sử dụng rượu, bia hay các chất kích thích khác trước khi tham gia giao thông. Nếu bị cảnh sát giao thông kiểm tra, bạn sẽ gặp nhiều rắc rối do hành vi vi phạm của mình. Hơn nữa, tham gia giao thông trong tình trạng không tỉnh táo là nguyên nhân hàng đầu dẫn tới tai nạn giao thông.



3. Chạy quá tốc độ cho phép

Càng chạy quá tốc độ giới hạn bao nhiêu thì rủi ro gây tai nạn càng nhiều bấy nhiêu. Nghiên cứu

cho thấy trong khu vực có tốc độ giới hạn là 60 km/giờ thì rủi ro gây tai nạn của bạn tăng gấp 2 lần cho mỗi 5 km/giờ mà bạn chạy quá tốc độ cho phép trên. Đó là lý do tại sao cứ phóng nhanh lại là nguy hiểm cho bạn và cho những người khác cùng đi trên đường.



Tai nạn giao thông nguyên nhân do vi phạm quy định về tốc độ mà ra có thể tránh được nếu bạn làm chủ tốc độ xe của mình, dành đủ thời gian, khoảng cách để quan sát phát hiện nguy hiểm phía trước và dành đủ thời gian để phòng tránh những rủi ro đó. Lời khuyên giản dị là:

- Lái xe trong phạm vi tốc độ cho phép.
- Lái xe chậm trước khi vào đường cong hoặc đoạn đường có "cua tay áo" - phanh xe trên đoạn đường cong có thể nguy hiểm.
- Coi chừng và để ý những biển báo cho biết sắp tới đường cong hoặc những nguy hiểm khác phía trước và hãy chạy chậm lại trước khi bạn tới những nơi đó.

- Nếu thời tiết xấu hoặc không nhìn rõ, thì chạy xe chậm lại ở tốc độ mà mình có thể dừng hoặc phanh gấp nếu xuất hiện nguy hiểm.

4. Sử dụng thiết bị di động khi lái xe

Nghe điện thoại, nhắn tin, thậm chí là kiểm tra thư điện tử, lướt web, facebook... trên các thiết bị di động khiến bạn hoàn toàn mất tập trung khi lái xe.

Việc lâu lâu ngừng mặt lên nhìn đường, thực chất chỉ mang tính chất đối phó, bởi nếu gặp tình huống bất ngờ, bạn sẽ không thể phản xạ kịp với các tình huống giao thông nguy hiểm, bất ngờ.



Nếu bạn đi mô tô, xe gắn máy và sử dụng điện thoại bằng tay trái, đương nhiên phản xạ khi gặp những tình huống bất ngờ sẽ là bóp chặt phanh tay bên phải, có nghĩa là bạn sẽ chắc chắn mất lái và ngã.

Hãy sử dụng điện thoại và các thiết bị di động khác một cách thông minh và an toàn. Đeo tai nghe để trò chuyện. Dừng xe bên lề đường an toàn để sử dụng thiết bị di động nếu thực sự cần thiết.

5. Sử dụng ô trong khi đi xe mô tô, xe gắn máy



Sử dụng ô khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy sẽ tạo ra những bất lợi như: ô thường cản gió, phải điều khiển xe bằng một tay vì một tay phải cầm ô, như vậy khi gặp những tình huống bất ngờ, việc xử lý sẽ không được chính xác (vì người lái xe bị vướng vào việc giữ ô). Người điều khiển, người ngồi sau mô tô, xe gắn máy sử dụng ô còn làm khuất tầm nhìn của người điều khiển, người tham gia giao thông khác trên đường.

6. Xe mô tô, xe gắn máy chở hàng công kênh, chở quá số người quy định

Mô tô, xe gắn máy được thiết kế để vận hành với tải trọng và kích thước nhất định. Việc chở người quá quy định, hàng hóa công kênh sẽ làm mất cân bằng của xe, do đó sẽ gây khó khăn cho việc điều khiển xe trên đường bộ dẫn đến mất an toàn giao thông.



Khi mang vác theo một vật công kênh, quá khổ người điều khiển xe phải cố gắng để giữ cân bằng cho xe, đồng thời phải liên tục quay đầu sang ngang hoặc phía sau để xác định khoảng cách làm sao không va chạm với người khác, như vậy việc quan sát phía trước bị giảm đi, khả năng phòng tránh va chạm và phản ứng kịp thời với những thay đổi từ phía trước cũng bị giảm xuống.

Mang vác những vật công kênh, quá khổ cũng gây cản trở giao thông, ảnh hưởng đến những người tham gia giao thông khác trên đường.

Khoản 4 Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 có quy định: Cấm người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia giao thông mang vác vật công kênh.

Khoản 1 Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 cũng quy định rõ: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

- Chở người bệnh đi cấp cứu;
- Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;
- Trẻ em dưới 14 tuổi.

Tuy nhiên, tình trạng điều khiển mô tô, xe gắn máy chở 3, chở 4 người thường diễn ra khá phổ biến, nhất là ở các vùng quê, nơi thường không có nhiều lực lượng chức năng quản lý, giám sát xử lý.



7. Điều khiển xe từ đường nhánh ra đường chính

Khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: "Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới".

Hiện nay, nhiều vụ tai nạn giao thông xảy ra xuất phát từ nguyên nhân người điều khiển phương

tiện khi đi từ đường nhánh, đường phụ, ngõ hẻm hay trong nhà ra đường lớn, đường ưu tiên nhưng thiếu quan sát, không nhường đường... gây ra những hậu quả nghiêm trọng.



Khi đi từ đường nhánh, đường hẻm, trong nhà ra đường chính, người điều khiển phương tiện cần chú ý: Quan sát hai phía, giảm tốc độ, bấm còi (nếu cần thiết) và phải nhường đường nếu có phương tiện khác đang lưu thông trên đường chính. Thực hiện những thao tác trên, người điều khiển phương tiện sẽ bảo đảm an toàn cho mình và cho những người khác tham gia giao thông.

8. Sử dụng phương tiện cũ nát

Tình trạng sử dụng các phương tiện cũ nát làm phương tiện để chở hàng hóa đã trở thành một vấn nạn hiện nay. Một lý do mà phương tiện cũ nát được sử dụng đó là có giá thành rẻ, vẫn đảm nhận được việc vận chuyển với khối lượng lớn. Tuy nhiên phương tiện cũ nát không những làm mất

mỹ quan, thường không còn bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn như phanh không ăn, các đèn cũng không hoạt động được, thải ra khói bụi nhiều gây ô nhiễm môi trường, vận chuyển với khối lượng hàng hóa lớn thường gây ra các vụ tai nạn giao thông.



9. Đi xe đạp dàn hàng ngang, sử dụng ô

Tình trạng người dân, nhất là học sinh trước và sau giờ tan học đi xe đạp dàn hàng 3, hàng 4 diễn ra hàng ngày trên các địa bàn các tỉnh gây lộn xộn, mất trật tự trên đường, tiềm ẩn tai nạn giao thông.

Đặc biệt, nhiều học sinh đi xe đạp sử dụng ô, đu bám, núu kéo xe mô tô, xe gắn máy, ô tô và các phương tiện giao thông khác đang chạy trên đường. Không chỉ đu bám vào xe, nhiều em còn vừa đi vừa nô đùa, không quan sát, không nhường đường cho các phương tiện giao thông khác, dẫn đến nhiều vụ tai nạn giao thông đã xảy ra.



10. Người đi bộ sang đường tùy tiện sai quy định

Trên thực tế, số vụ tai nạn giao thông liên quan đến người đi bộ khá cao, chiếm tỷ lệ đáng lo ngại trong số những vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng. Phần lớn các vụ tai nạn trên xảy ra do người đi bộ tùy tiện băng qua đường, làm người điều khiển phương tiện không kịp xử lý, va chạm trực tiếp với người đi bộ; hoặc tránh người đi bộ nên gây ra tai nạn với các phương tiện khác cùng lưu thông.



Trên thực tế, số vụ tai nạn giao thông liên quan đến người đi bộ khá cao, chiếm tỷ lệ đáng lo ngại

trong số những vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng. Phần lớn các vụ tai nạn trên xảy ra do người đi bộ tùy tiện băng qua đường, làm người điều khiển phương tiện không kịp xử lý, va chạm trực tiếp với người đi bộ; hoặc tránh người đi bộ nên gây ra tai nạn với các phương tiện khác cùng lưu thông.

11. Tuốt, phơi rơm, lúa trên đường

Hàng năm, cứ đến thời vụ thu hoạch lúa, nhân dân thường sử dụng lòng đường, lề đường trái phép để tập kết phơi rơm, rạ, thóc, tuốt lúa, đốt rơm, rạ lấy tro phục vụ sản xuất. Những hành vi trên vi phạm khoản 3 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008, làm cho các phương tiện tham gia giao thông khó khăn, gây mất an toàn giao thông.

Chính bản thân những người nông dân cũng rất vô tư đứng giữa đường để tuốt lúa, phơi rơm... Ai cũng biết rằng đó là những cái bẫy chết người, cái bẫy các phương tiện tham gia giao thông, chính những điểm đó là hiểm họa, tiềm ẩn tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào.



12. Thả rông gia súc, chăn thả gia cầm trên các tuyến đường



Luật giao thông đường bộ năm 2008 đã quy định nghiêm cấm chăn thả gia súc, gia cầm trên đường giao thông. Thế nhưng, nhiều người dân có thể chưa hiểu biết hết sự nguy hiểm của hành vi trên vẫn ngang nhiên, bất chấp các quy định của pháp luật. Đã có nhiều vụ tai nạn giao thông mà nguyên nhân gián tiếp là do phải né tránh gia súc, gia cầm. Và việc thả rông gia súc, chăn dắt gia cầm trên đường là nguy cơ lớn về mất an toàn giao thông cho những tuyến đường.

13. Đốt rơm rạ gây mất an toàn giao thông

Ở nhiều vùng nông thôn, người dân sinh sống ven các đường quốc lộ thường tập kết tuốt lúa, đốt rơm rạ ngay sát lòng đường gây khói mù mịt. Tình trạng đốt rơm rạ tràn lan này tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông.

Không những vậy, rơm rạ sau khi tuốt lúa

không được người dân mang về nhà mà được chất thành từng đống cao rồi đem đốt ngay sát đường quốc lộ. Nhiều người dân cho rằng, đốt rơm rạ ngay ngoài đồng là biện pháp thuận tiện nhất, vừa đỡ mất công vận chuyển về nhà, vừa triệt được nguồn sâu bệnh và cỏ dại, tăng dinh dưỡng cho đất. Những đám rơm cháy bên đường gây khói nghi ngút phủ kín đường đi, cản trở tầm nhìn như "bịt mắt" người điều khiển phương tiện giao thông.

Ngoài ra, việc đốt rơm rạ tràn lan tạo ra một lượng khói lớn bạt gió bay vào các khu dân cư gây nên bầu không khí ngột ngạt, ảnh hưởng đến môi trường sống. Thậm chí nhiều nơi, người dân đốt rơm ngay sát cột điện dẫn đến nguy cơ cháy nổ là rất cao. Tình trạng này gây che khuất tầm nhìn, nhất là những lúc có xe đi ngược chiều tới. Bà con nông dân bây giờ không đun rơm thì đốt rơm cũng là việc bình thường nhưng đốt ở đâu thì cần phải có quy định riêng để bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.



14. Bán hàng, họp chợ trên đường, cầu



Hàng ngày, tình trạng chiếm vỉa hè, lòng đường, trên cầu đang bị một số người dân chiếm dụng để họp chợ bán hàng hóa, hàng rong, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông thường xuyên diễn ra. Những xe bán hàng lưu động còn tràn xuống cả phần đường dành cho người và phương tiện lưu thông trên đường bộ.

Người mua, kẻ bán đi lại tùy tiện, dừng đỗ phương tiện bừa bãi ngay trên lòng đường. Không những thế, những người buôn bán còn xả rác thải ra mặt đường gây mất mỹ quan. Chưa hết, do đi mua hàng, một số người còn lưu thông ngược chiều khiến tình hình giao thông ở đây càng thêm lộn xộn.

Càng nguy hiểm hơn khi trên các tuyến đường có lưu lượng phương tiện tham gia giao thông đông, chạy với tốc độ cao, nên việc buôn bán chiếm lòng, lề đường là rất nguy hiểm đến tính mạng của chính bản thân họ và gây nên tình trạng ùn tắc giao thông.

15. Vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường



Việc sử dụng lòng đường đang bị người dân chiếm dụng để tập kết vật liệu như gạch, cát, sỏi... vi phạm pháp luật giao thông đường bộ. Ở nhiều nơi, những đống cát, sỏi nằm chềnh ềnh chiếm hết một nửa phần đường xe chạy, do vậy khi các phương tiện giao thông đặc biệt là xe ô tô qua lại đây không thể tránh nhau, cho đường ùn tắc thường xuyên.

Thêm nữa, bụi đất bay mù mịt trên đường do các loại xe tải qua lại suốt ngày đêm khiến nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông tại đây là rất lớn, gây ô nhiễm bầu không khí, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người dân.

16. Vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt

Trên nhiều khu vực đường sắt đi qua, xuất hiện tràn lan các vi phạm về hành lang an toàn đường sắt. Hầu hết các hộ dân sinh sống ven

đường sắt cho biết, họ quá quen với hình ảnh các đoàn tàu ngược xuôi mỗi ngày. Vì thế, những sinh hoạt của cả người lớn, trẻ em diễn ra ngay trên đường ray mà họ không hề lo ngại. Người ngồi uống nước, hút thuốc, bàn tán sôi nổi bên trong một quán nhỏ đơn sơ ở cách không xa đường ray; vài ba người phụ nữ cúi hái nhặt rau, vo gạo bên cạnh mấy đứa trẻ vô tư nhảy nhót, nô đùa; một người đàn ông với vẻ mặt tư lự nhấp nhúm ngồi ở giữa đường ray... Cửa hàng kinh doanh đồ gỗ dọc đường sắt, thợ mài miết chế tác sản phẩm ngay trên đường ray, bày bán giày dép dọc hành lang đường sắt; thu gom phế liệu bê bộn...

Có thể thấy, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tai nạn đường sắt là do lỗi của người tham gia giao thông, thiếu chú ý quan sát khi chuyển hướng vào các điểm giao cắt đường bộ với đường sắt. Tuy nhiên, chính thực trạng vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt diễn ra tràn lan như nêu trên đã gây thêm nhiều cản trở, khó quan sát cho người đi đường. Những công trình xây dựng, nhà cửa, mái vẩy, hàng quán lộn xộn mọc dọc đường sắt làm giảm tầm quan sát; cảnh tượng mua bán hỗn độn, âm thanh ồn ã cũng khiến người đi đường mất tập trung. Thêm vào đó, kết cấu hạ tầng của ngành đường sắt cũ kỹ, lạc hậu, nhiều thiết bị còi, đèn, biển báo hư hỏng, hoen gỉ, mờ nhạt khó phát huy tác dụng.

Công tác phối hợp nhằm bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông giữa ngành đường sắt với chính quyền, cơ quan chức năng các địa phương cũng chưa thật sự chặt chẽ. Nhiều nhân viên ngành Đường sắt cho rằng, đường sắt dành riêng cho tàu hỏa chạy qua, vì vậy, mọi vi phạm đều là lỗi của người tham gia giao thông.



17. Không quan sát an toàn khi đi qua đường ngang dân sinh

Trên thực tế tại giao cắt giữa đường sắt và đường bộ là những nơi rất nguy hiểm đối với người tham gia giao thông, nhất là những nơi giao cắt không có rào chắn hoặc không có lực lượng chức năng làm nhiệm vụ. Đã có rất nhiều vụ tai nạn giao thông rất thương tâm xảy ra do người tham gia giao thông không chú ý quan sát khi tàu hỏa đã đến gần. Nạn nhân và phương tiện có thể bị kéo trên đường sắt tới vài chục mét, người tử vong không toàn thân, nếu may mắn sống sót thì cũng mất một phần cơ thể, để lại di chứng suốt đời.

Theo quy định tại những nơi giao cắt giữa đường sắt với đường bộ thì quyền ưu tiên thuộc về phương tiện đường sắt, vì vậy, khi tham gia giao thông, muốn đi qua đường sắt thì người tham gia giao thông bắt buộc phải dừng lại, quan sát an toàn từ hai phía đường ray, khi không thấy tàu chạy lại gần mới được phép đi qua.



18. Vượt rào chắn đường sắt

Tại nơi giao cắt giữa đường sắt với đường bộ có barie khi còi báo tàu đến đã hú, nhân viên đường sắt đã kéo barie nhưng bất chấp những nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, nhiều người tham gia giao thông vẫn vượt đèn đỏ và mặc kệ sự ngăn cản của nhân viên đường sắt. Chỉ vì "tiết kiệm" vài chục giây có người cố tình tìm cách lách qua rào chắn, thậm chí còn có người dừng xe, xuống đẩy hàng rào chắn sang một bên để lách qua.

Trong số này, không ít người chở hàng hóa công kênh gây ra cảnh tượng nhốn nháo và nguy hiểm.

Khi bị nhắc nhở, nhiều người còn tỏ thái độ không hài lòng, hậm hực. Hành vi này diễn ra khá phổ biến tại nút giao thông, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn giao thông và thể hiện sự thiếu văn hóa khi tham gia giao thông.



19. Người đi đò không mặc áo phao, cầm dụng cụ nổi

Quy định bắt buộc người điều khiển phương tiện đò ngang, đò dọc phải nhắc nhở người đi đò mặc áo phao hoặc cầm dụng cụ nổi cứu sinh được ban hành khá lâu song trên thực tế chưa nhiều bến đò chấp hành. Chỉ khi có lực lượng chức năng xuất hiện, khách đi đò mới miễn cưỡng khoác hồ chiếc áo phao, cầm dụng cụ nổi cứu sinh.

Trên thực tế tồn tại ở nhiều bến đò, từ lái đò đến hành khách đều không mặc áo phao hay cầm dụng cụ cứu sinh. Các nhân viên trên bến và dưới đò cũng không nhắc nhở, đề nghị hành khách thực

hiện đúng quy định. Vào những giờ cao điểm, người và xe chen chúc chật cứng trên đò, nhưng không ai mặc áo phao để phòng ngừa tai nạn. Những chiếc áo phao cũ mèm, bụi bặm được buộc chặt trước buồng lái, nếu đò gặp sự cố, chắc chắn hành khách không thể lấy kịp áo phao để mặc vào người và khi tai nạn xảy ra rất khó khăn trong việc cứu vớt các nạn nhân.



Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20-8-2013 của Chính phủ đã quy định rất cụ thể về xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực giao thông hàng hải và đường thủy nội địa. Bộ Giao thông vận tải cũng ban hành Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10-05-2012 quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

Vì vậy để bảo đảm an toàn cho người khi đi đò cần phải thực hiện nghiêm túc những quy định trên.

20. Phương tiện đường thủy chở quá số người, chở hàng quá tải trọng quy định



Tình trạng vi phạm an toàn giao thông đường thủy trong thời gian qua đã gây nhiều bức xúc trong dư luận xã hội. Hậu quả của những hành vi này không chỉ gây thiệt hại về vật chất như tài sản tàu, thuyền và hàng hóa, mà còn là tính mạng của con người. Sự cố xảy ra với một số tàu, thuyền du lịch trên vịnh Hạ Long, vụ chìm tàu du lịch Dìn Ký ở Bình Dương... là cảnh báo nghiêm khắc nếu tình trạng vi phạm các quy định về an toàn giao thông không được kịp thời chấn chỉnh. Theo đánh giá của cơ quan chức năng, nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu do chủ phương tiện đường thủy sử dụng phương tiện không đăng ký, không đăng kiểm; người điều khiển phương tiện không có bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn; phổ biến nhất là hiện tượng phương tiện không đủ điều kiện an toàn vẫn hoạt động; ngoài ra, còn có nguyên nhân phương tiện chở quá trọng tải, quá

số người quy định, lấn chiếm luồng tàu, thuyền, hành lang an toàn giao thông đường thủy...

Một hiện tượng phổ biến khác là nhiều chủ phương tiện giao thông đường thủy, nhất là phương tiện phục vụ du lịch, chưa có ý thức trong bảo vệ môi trường, tùy tiện xả rác tiêu dùng, chất thải máy móc ra sông, kênh, hồ, biển... Điều này góp phần làm ô nhiễm môi trường - vấn đề đang được cả xã hội quan tâm.

Chương III
PHÁP LUẬT
VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG
MÀ NGƯỜI THAM GIA GIAO THÔNG
KHU VỰC NÔNG THÔN, MIỀN NÚI
CẦN BIẾT

1. Đường bộ

1.1. Các hành vi bị nghiêm cấm

Theo Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 thì các hành vi sau đây bị nghiêm cấm:

- Phá hoại đường, cầu, hầm, bến phà đường bộ, đèn tín hiệu, cọc tiêu, biển báo hiệu, gương cầu, dải phân cách, hệ thống thoát nước và các công trình, thiết bị khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Đào, khoan, xẻ đường trái phép; đặt, để chướng ngại vật trái phép trên đường; đặt, rải vật nhọn, đổ chất gây trơn trên đường; để trái phép vật liệu, phế thải, thải rác ra đường; mở đường, đầu nối trái phép vào đường chính; lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an

toàn đường bộ; tự ý tháo mở nắp công, tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ.

- Sử dụng lòng đường, lề đường, hè phố trái phép.

- Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

- Thay đổi tổng thành, linh kiện, phụ kiện xe cơ giới để tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi kiểm định.

- Đua xe, cổ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.

- Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.

- Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở.

- Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

Điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.

- Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho

người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

- Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu.

- Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật giao thông đường bộ năm 2008.

- Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

- Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

- Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người quy định.

- Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.

- Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.

- Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.

- Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn.

- Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

- Sản xuất, sử dụng trái phép hoặc mua, bán biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

- Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

1.2. Quy tắc giao thông đường bộ

a) Quy tắc chung:

Theo Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008, thì:

- Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

- Xe ô tô có trang bị dây an toàn thì người lái xe và người ngồi hàng ghế phía trước trong xe ô tô phải thắt dây an toàn.

b) Hệ thống báo hiệu đường bộ:

Điều 10 Luật giao thông đường bộ năm 2008, quy định:

- Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

- Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông quy định như sau:

+ Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

+ Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

+ Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

- Tín hiệu đèn giao thông có ba màu, quy định như sau:

+ Tín hiệu xanh là được đi;

+ Tín hiệu đỏ là cấm đi;

+ Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy

là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường.

- Biển báo hiệu đường bộ gồm năm nhóm, quy định như sau:

+ Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm;

+ Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra;

+ Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh phải thi hành;

+ Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết;

+ Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

- Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.

- Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ được đặt ở mép các đoạn đường nguy hiểm để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường.

- Rào chắn được đặt ở nơi đường bị thắt hẹp, đầu cầu, đầu cống, đầu đoạn đường cấm, đường cụt không cho xe, người qua lại hoặc đặt ở những nơi cần điều khiển, kiểm soát sự đi lại.

c) Chấp hành báo hiệu đường bộ:

Điều 11 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

- Người tham gia giao thông phải chấp hành

hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.

- Khi có người điều khiển giao thông thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

- Tại nơi có biển báo hiệu cố định lại có báo hiệu tạm thời thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của báo hiệu tạm thời.

- Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

d) Xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ:

Điều 20 Luật giao thông đường bộ quy định:

- Hàng hóa xếp trên xe phải gọn gàng, chằng buộc chắc chắn, không để rơi vãi dọc đường, không kéo lê hàng hóa trên mặt đường và không cản trở việc điều khiển xe.

- Khi xếp hàng hóa vượt phía trước và phía sau xe thì ban ngày phải có cờ báo hiệu màu đỏ, ban đêm hoặc khi trời tối phải có đèn đỏ báo hiệu.

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể việc xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ.

d) Trường hợp chở người trên xe ô tô chở hàng:

Điều 21 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

- Chỉ được chở người trên xe ô tô chở hàng trong các trường hợp sau đây:

+ Chở người đi làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai hoặc thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp; chở cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang nhân dân đi làm nhiệm vụ; chở người bị nạn đi cấp cứu;

+ Chở công nhân duy tu, bảo dưỡng đường bộ; chở người đi thực hành lái xe trên xe tập lái; chở người diễu hành theo đoàn;

+ Giải tỏa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc trong trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

- Xe ô tô chở người trong các trường hợp quy định phải có thùng cố định, bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông.

e) Quyền ưu tiên của một số loại xe:

Điều 22 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

- Những xe sau đây được quyền ưu tiên đi trước xe khác khi qua đường giao nhau từ bất kỳ hướng nào tới theo thứ tự:

+ Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ;

+ Xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp, đoàn xe có xe cảnh sát dẫn đường;

+ Xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu;

+ Xe hộ đê, xe đi làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc xe đi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

+ Đoàn xe tang.

- Xe quy định tại các điểm a, b, c và d ở trên khi đi làm nhiệm vụ phải có tín hiệu còi, cờ, đèn theo quy định; không bị hạn chế tốc độ; được phép đi vào đường ngược chiều, các đường khác có thể đi được, kể cả khi có tín hiệu đèn đỏ và chỉ phải tuân theo chỉ dẫn của người điều khiển giao thông.

Chính phủ quy định cụ thể tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.

- Khi có tín hiệu của xe được quyền ưu tiên, người tham gia giao thông phải nhanh chóng giảm tốc độ, tránh hoặc dừng lại sát lề đường bên phải để nhường đường. Không được gây cản trở xe được quyền ưu tiên.

g) Qua phà, qua cầu phao:

Điều 23 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Khi đến bến phà, cầu phao, các xe phải xếp hàng trật tự, đứng nơi quy định, không làm cản trở giao thông.

(2) Khi xuống phà, đang ở trên phà và khi lên bến, mọi người phải xuống xe, trừ người điều khiển xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, người bệnh, người già yếu và người khuyết tật.

(3) Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng phải xuống phà trước, xe thô sơ, người đi bộ xuống phà sau; khi lên bến, người đi bộ lên trước, các phương tiện giao thông lên sau theo hướng dẫn của người điều khiển giao thông.

(4) Thứ tự ưu tiên qua phà, qua cầu phao quy định như sau:

(a) Các xe được quyền ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật giao thông đường bộ năm 2008;

(b) Xe chở thư báo;

(c) Xe chở thực phẩm tươi sống;

(d) Xe chở khách công cộng.

Trong trường hợp các xe cùng loại ưu tiên đến bến phà, cầu phao thì xe nào đến trước được qua trước.

h) Nhường đường tại nơi đường giao nhau:

Điều 24 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Khi đến gần đường giao nhau, người điều khiển phương tiện phải cho xe giảm tốc độ và nhường đường theo quy định sau đây:

(1) Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải;

(2) Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường cho xe đi bên trái;

(3) Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

i) Đi trên đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, cầu đường bộ đi chung với đường sắt

Điều 25 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Trên đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, cầu đường bộ đi chung với đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt được quyền ưu tiên đi trước.

(2) Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu màu đỏ đã bật sáng, có tiếng chuông báo hiệu, rào chắn đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại phía phần đường của mình và cách rào chắn một khoảng cách an toàn; khi đèn tín hiệu đã tắt, rào chắn mở hết, tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

(3) Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt chỉ có đèn tín hiệu hoặc chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu màu đỏ đã bật sáng hoặc có

tiếng chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất; khi đèn tín hiệu đã tắt hoặc tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

(4) Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải quan sát cả hai phía, khi thấy chắc chắn không có phương tiện đường sắt đang đi tới mới được đi qua, nếu thấy có phương tiện đường sắt đang đi tới thì phải dừng lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất và chỉ khi phương tiện đường sắt đã đi qua mới được đi.

(5) Khi phương tiện tham gia giao thông đường bộ bị hư hỏng tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt hoặc trong phạm vi an toàn đường sắt thì người điều khiển phương tiện phải bằng mọi cách nhanh nhất đặt báo hiệu trên đường sắt cách tối thiểu 500 mét về hai phía để báo cho người điều khiển phương tiện đường sắt và tìm cách báo cho người quản lý đường sắt, nhà ga nơi gần nhất, đồng thời phải bằng mọi biện pháp nhanh chóng đưa phương tiện ra khỏi phạm vi an toàn đường sắt.

(6) Những người có mặt tại nơi phương tiện tham gia giao thông đường bộ bị hư hỏng trên đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt

có trách nhiệm giúp đỡ người điều khiển phương tiện đưa phương tiện ra khỏi phạm vi an toàn đường sắt.

k) Giao thông trên đường cao tốc

Điều 26 Luật giao thông đường bộ năm 2008:

(1) Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc ngoài việc tuân thủ các quy tắc giao thông quy định tại Luật giao thông đường bộ năm 2008 còn phải thực hiện các quy định sau đây:

(a) Khi vào đường cao tốc phải có tín hiệu xin vào và phải nhường đường cho xe đang chạy trên đường, khi thấy an toàn mới cho xe nhập vào dòng xe ở làn đường sát mép ngoài, nếu có làn đường tăng tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi vào làn đường của đường cao tốc;

(b) Khi ra khỏi đường cao tốc phải thực hiện chuyển dần sang làn đường phía bên phải, nếu có làn đường giảm tốc thì phải cho xe chạy trên làn đường đó trước khi rời khỏi đường cao tốc;

(c) Không được cho xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp và phân lề đường;

(d) Không được cho xe chạy quá tốc độ tối đa và dưới tốc độ tối thiểu ghi trên biển báo hiệu, sơn kẻ trên mặt đường.

(2) Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải cho xe chạy cách nhau một khoảng cách an toàn ghi trên biển báo hiệu.

(3) Chỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi quy định; trường hợp buộc phải dừng xe, đỗ xe không đúng nơi quy định thì người lái xe phải đưa xe ra khỏi phần đường xe chạy, nếu không thể được thì phải báo hiệu để người lái xe khác biết.

(4) Người đi bộ, xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô và máy kéo; xe máy chuyên dùng có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 70 km/h không được đi vào đường cao tốc, trừ người, phương tiện, thiết bị phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

1) Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy

Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

- (a) Chở người bệnh đi cấp cứu;
- (b) Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;
- (c) Trẻ em dưới 14 tuổi.

(2) Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

(3) Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:

- (a) Đi xe dàn hàng ngang;

(b) Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;

(c) Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính;

(d) Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh;

(đ) Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

(e) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

(4) Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:

(a) Mang, vác vật cồng kềnh;

(b) Sử dụng ô;

(c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;

(d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;

(đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

m) Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp, người điều khiển xe thô sơ khác

Điều 31 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Người điều khiển xe đạp chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 7 tuổi thì được chở tối đa hai người.

Người điều khiển xe đạp phải thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật giao thông đường bộ năm 2008; người ngồi trên xe đạp khi tham gia giao thông phải thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật giao thông đường bộ năm 2008.

(2) Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

(3) Người điều khiển xe thô sơ khác phải cho xe đi hàng một, nơi có phần đường dành cho xe thô sơ thì phải đi đúng phần đường quy định; khi đi ban đêm phải có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe. Người điều khiển xe súc vật kéo phải có biện pháp bảo đảm vệ sinh trên đường.

(4) Hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

n) Người đi bộ

Điều 32 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường.

(2) Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

(3) Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

(4) Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách, không đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

(5) Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dắt; mọi người có trách nhiệm giúp đỡ trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường.

o) Người khuyết tật, người già yếu tham gia giao thông

Điều 33 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Người khuyết tật sử dụng xe lăn không có động cơ được đi trên hè phố và nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ.

(2) Người khiếm thị khi đi trên đường bộ phải có người dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết đó là người khiếm thị.

(3) Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, người già yếu khi đi qua đường.

p) Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ

Điều 34 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường và bảo đảm vệ sinh trên đường; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.

(2) Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

q) Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi xảy ra tai nạn giao thông

Điều 38 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Người điều khiển phương tiện và những người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

(a) Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường; cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

(b) Ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất;

(c) Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn cho cơ quan có thẩm quyền.

(2) Những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

- (a) Bảo vệ hiện trường;
- (b) Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;
- (c) Báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;
- (d) Bảo vệ tài sản của người bị nạn;
- (đ) Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

(3) Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu. Các xe được quyền ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự không bắt buộc thực hiện quy định tại khoản này.

(4) Cơ quan công an khi nhận được tin về vụ tai nạn có trách nhiệm cử người tới ngay hiện trường để điều tra vụ tai nạn, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ và Ủy ban nhân dân địa phương bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.

(5) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan công an, y tế đến để xử lý, giải quyết vụ tai nạn; tổ chức cứu chữa, giúp đỡ người bị nạn, bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của người bị nạn; trường hợp có người chết mà không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất thì sau khi cơ quan nhà nước có thẩm

quyền đã hoàn tất các công việc theo quy định của pháp luật và đồng ý cho chôn cất, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức chôn cất.

Trường hợp vụ tai nạn vượt quá khả năng giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên.

(6) Bộ Công an có trách nhiệm thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về tai nạn giao thông đường bộ, cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

r) Điều kiện tham gia giao thông của xe cơ giới

Điều 53 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Xe ô tô đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau đây:

(a) Có đủ hệ thống hãm có hiệu lực;

(b) Có hệ thống chuyển hướng có hiệu lực;

(c) Tay lái của xe ô tô ở bên trái của xe; trường hợp xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ;

(d) Có đủ đèn chiếu sáng gần và xa, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu;

(đ) Có bánh lốp đúng kích cỡ và đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại xe;

(e) Có đủ gương chiếu hậu và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm tầm nhìn cho người điều khiển;

(g) Kính chắn gió, kính cửa là loại kính an toàn;
(h) Có còi với âm lượng đúng quy chuẩn kỹ thuật;
(i) Có đủ bộ phận giảm thanh, giảm khói và các trang bị, thiết bị khác bảo đảm khí thải, tiếng ồn theo quy chuẩn môi trường;

(k) Các kết cấu phải đủ độ bền và bảo đảm tính năng vận hành ổn định.

(2) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy đúng kiểu loại được phép tham gia giao thông phải bảo đảm các quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, h, i và k ở trên.

(3) Xe cơ giới phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

s) Điều kiện của người lái xe tham gia giao thông

Điều 58 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật giao thông đường bộ năm 2008 và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Người tập lái xe ô tô khi tham gia giao thông phải thực hành trên xe tập lái và có giáo viên bảo trợ tay lái.

(2) Người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

(a) Đăng ký xe;

(b) Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới quy định tại Điều 59 Luật giao thông đường bộ năm 2008;

(c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới quy định tại Điều 55 Luật giao thông đường bộ năm 2008;

(d) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

t) Giấy phép lái xe

Điều 59 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Căn cứ vào kiểu loại, công suất động cơ, tải trọng và công dụng của xe cơ giới, giấy phép lái xe được phân thành giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

(2) Giấy phép lái xe không thời hạn bao gồm các hạng sau đây:

(a) Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³;

(b) Hạng A2 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm³ trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

(c) Hạng A3 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 và các xe tương tự.

(3) Người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật được cấp giấy phép lái xe hạng A1.

(4) Giấy phép lái xe có thời hạn gồm các hạng sau đây:

(a) Hạng A4 cấp cho người lái máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;

b) Hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

c) Hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

d) Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2;

đ) Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C;

(e) Hạng E cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D;

(g) Giấy phép lái xe hạng FB2, FD, FE cấp cho người lái xe đã có giấy phép lái xe hạng B2, D, E để lái các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nối toa; hạng FC cấp cho người lái xe đã có giấy phép lái xe hạng C để lái các loại xe quy định cho hạng C khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc.

(5) Giấy phép lái xe có giá trị sử dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ của nước

hoặc vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký cam kết công nhận giấy phép lái xe của nhau.

u) Tuổi, sức khỏe của người lái xe

Điều 60 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

(1) Độ tuổi của người lái xe quy định như sau:

(a) Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm³;

(b) Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;

(c) Người đủ 21 tuổi trở lên được lái xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; lái xe hạng B2 kéo rơ moóc (FB2);

(d) Người đủ 24 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi; lái xe hạng C kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc (FC);

đ) Người đủ 27 tuổi trở lên được lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; lái xe hạng D kéo rơ moóc (FD);

(e) Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi là 50 tuổi đối với nữ và 55 tuổi đối với nam.

(2) Người lái xe phải có sức khỏe phù hợp với loại xe, công dụng của xe. Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe của người lái xe.

1.3. Quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ

a) Các trường hợp phải giảm tốc độ

Theo Điều 5 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17-7-2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT).

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

(1) Có biển cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

(2) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;

(3) Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao cắt đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường mà mặt đường không êm thuận;

(4) Qua cầu, cống hẹp; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc;

(5) Qua khu vực có trường học vào giờ học sinh đến trường hoặc tan trường; khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông;

(6) Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường;

(7) Có súc vật đi trên đường hoặc chặn thả ở sát đường;

(8) Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt;

(9) Đến gần bến xe buýt, điểm dừng đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;

(10) Gặp đoàn xe ưu tiên; gặp xe quá khổ, quá tải, xe chở hàng nguy hiểm; vượt đoàn người đi bộ;

(11) Trời mưa; có sương mù; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi.

b) Tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ trong khu vực đông dân cư

Theo Điều 6 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT:

Loại xe cơ giới đường bộ	Tốc độ tối đa (km/h)
Ô tô chở người đến 30 chỗ ngồi; ô tô tải có trọng tải dưới 3.500 kg.	50
Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; ô tô sơ mi rơ moóc; ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác; ô tô chuyên dùng; xe mô tô; xe gắn máy.	40

c) *Tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư*

Theo Điều 7 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT:

Loại xe cơ giới đường bộ	Tốc độ tối đa (km/h)
Ô tô chở người đến 30 chỗ ngồi (trừ ô tô buýt); ô tô tải có trọng tải dưới 3.500 kg.	80
Ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi (trừ ô tô buýt); ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kg trở lên.	70
Ô tô buýt; ô tô sơ mi rơ moóc; ô tô chuyên dùng; xe mô tô.	60
Ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác; xe gắn máy.	50

d) *Giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe*

Theo Điều 11 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT:

Khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

đ) *Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông trên đường cao tốc, đường cấp cao, đường khai thác theo quy chế riêng*

Theo Điều 12 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT:

(1) Khi mặt đường khô ráo thì khoảng cách an toàn ứng với mỗi tốc độ được quy định như sau:

Tốc độ lưu hành (km/h)	Khoảng cách an toàn tối thiểu (m)
Đến 60	30
Trên 60 đến 80	50
Trên 80 đến 100	70
Trên 100 đến 120	90

(2) Khi trời mưa, có sương mù, mặt đường trơn trượt, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, người lái xe phải điều chỉnh khoảng cách an toàn thích hợp lớn hơn khoảng cách an toàn ghi trên biển báo hoặc quy định.

1.4. Một số biển báo hiệu đường bộ thường gặp ở khu vực nông thôn, miền núi

a) Biển báo cấm

 102 Cấm đi ngược chiều	 103b Cấm ô tô rẽ phải	 103c Cấm ô tô rẽ trái	 104 Cấm mô tô	 105 Cấm ô tô và mô tô
 106a Cấm ô tô tải	 106b Cấm ô tô tải trên 2,5 T	 109 Cấm máy kéo	 110b Cấm xe đạp thồ	 113 Cấm xe người kéo, đẩy
 114 Cấm xe súc vật kéo	 115 Hạn chế trọng lượng xe	 117 Hạn chế chiều cao	 124a Cấm quay xe	 125 Cấm vượt








				
127 Tốc độ tối đa cho phép	132 Nhường đường cho xe cơ giới đi ngược chiều qua đường hẹp	133 Hết cấm vượt	135 Hết tất cả các lệnh cấm	140 Cấm xe công nông

b) Biển báo nguy hiểm

				
201a Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên trái	201b Chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải	202a Nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp vòng bên trái	202b Nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp vòng bên phải	203a Đường bị hẹp cả hai bên
				
203b Đường bị hẹp về phía trái	203c Đường bị hẹp về phía phải	204 Đường hai chiều	205a Đường giao nhau	206 Giao nhau chạy theo vòng xuyên
				
207a Giao nhau với đường không ưu tiên	208 Giao nhau với đường ưu tiên	212 Cầu hẹp	215 Kè, vực sâu phía trước	216 Đường ngầm
				
217 Bến phà	218 Cửa chui	219 Đốc xuống nguy hiểm	220 Đốc lên nguy hiểm	222a Đường trơn

				
222b Lề đường nguy hiểm	223a Vách núi nguy hiểm bên trái	223b Vách núi nguy hiểm bên phải	224 Đường người đi bộ cắt ngang	225 Trẻ em
				
227 Công trường	228a Đá lở bên trái	228b Đá lở bên phải	230 Gia súc	231 Thú rừng vượt qua đường
				
232 Gió ngang	239 Đường cáp điện ở phía trên	244 Đoạn đường hay xảy ra tai nạn		



















c) Biển hiệu lệnh

				
301a Hướng đi phải theo (các xe chỉ được đi thẳng)	301b Hướng đi phải theo (các xe chỉ được rẽ phải)	301c Hướng đi phải theo (các xe chỉ được rẽ trái)	301d Hướng đi phải theo (các xe chỉ được rẽ phải)	301e Hướng đi phải theo (các xe chỉ được rẽ trái)
				
301f Hướng đi phải theo (các xe chỉ được đi thẳng và rẽ phải)	301h Hướng đi phải theo (các xe chỉ được đi thẳng và rẽ trái)	301i Hướng đi phải theo (các xe chỉ được rẽ trái và rẽ phải)	302a Hướng phải đi vòng chươngng ngại vật	302b Hướng phải đi vòng chươngng ngại vật

				
304 Đường dành cho xe thô sơ	305 Đường dành cho người đi bộ	306 Tốc độ tối thiểu cho phép	307 Hạn chế tốc độ tối thiểu	308a Tuyến đường cầu vượt cắt qua

d) Biển chỉ dẫn

				
401 Bắt đầu đường ưu tiên	402 Hết đoạn đường ưu tiên	406 Được ưu tiên qua đường hẹp	414a Chỉ hướng đường	414b Chỉ hướng đường
				
414c Chỉ hướng đường	414d Chỉ hướng đường	415 Mũi tên chỉ hướng đi	416 Lối đi đường vòng tránh	417a Chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe
				
417b Chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe	417c Chỉ hướng đường phải đi cho từng loại xe	418 Lối đi ở những vị trí cấm rẽ	419 Chỉ dẫn địa giới	420 Bắt đầu khu đồng dân cư
				
421 Hết khu đồng dân cư	422 Di tích lịch sử	423a Đường người đi bộ sang ngang	423b Đường người đi bộ sang ngang	425 Bệnh viện

 426 Trạm cấp cứu	 427a Trạm sửa chữa	 427b Trạm kiểm tra tải trọng xe	 428 Trạm cung cấp xăng dầu	 429 Nơi rửa xe
 430 Điện thoại	 431 Trạm dừng nghỉ	 440 Đoạn đường thi công	 441a Bảo hiệu phía trước có công trường thi công	 442 Chợ
 445a Biển mô tả tình trạng đường	 445b Biển mô tả tình trạng đường	 445c Biển mô tả tình trạng đường	 445d Biển mô tả tình trạng đường	 445e Biển mô tả tình trạng đường
 445f Biển mô tả tình trạng đường	 445g Biển mô tả tình trạng đường	 445h Biển mô tả tình trạng đường		

1.5. Một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ

a) Xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ

Theo Điều 5 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông

đường bộ và đường sắt, được sửa đổi theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 (sau đây gọi là Nghị định số 171/2013/NĐ-CP).

(1) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ;

(b) Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ;

(c) Khi dừng xe, đỗ xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết;

(d) Khi đỗ xe chiếm một phần đường xe chạy không đặt ngay báo hiệu nguy hiểm theo quy định, trừ trường hợp đỗ xe tại vị trí quy định được phép đỗ xe;

(đ) Không gắn biển báo hiệu ở phía trước xe kéo, phía sau xe được kéo; không nối chắc chắn, an toàn giữa xe kéo và xe được kéo khi kéo nhau; xe kéo rơ moóc không có biển báo hiệu theo quy định;

(e) Bấm còi hoặc gây ồn ào, tiếng động lớn làm ảnh hưởng đến sự yên tĩnh trong đô thị và khu đông dân cư trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(g) Người điều khiển, người ngồi hàng ghế phía trước trong xe ô tô có trang bị dây an toàn mà không thắt dây an toàn khi xe đang chạy;

(h) Chở người ngồi hàng ghế phía trước trong xe ô tô có trang bị dây an toàn mà không thắt dây an toàn khi xe đang chạy.

(2) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy tốc độ thấp hơn các xe khác đi cùng chiều mà không đi về bên phải phần đường xe chạy, trừ trường hợp các xe khác đi cùng chiều chạy quá tốc độ quy định;

(b) Để người ngồi trên buồng lái quá số lượng quy định;

(c) Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

(d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

(đ) Xe được quyền ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ không có tín hiệu còi, cờ, đèn theo đúng quy định;

(e) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không sát mép đường phía bên phải theo chiều đi ở nơi đường có lề đường hẹp

hoặc không có lề đường; đỗ xe trên dốc không chèn bánh; mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn;

(g) Dừng xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; dừng xe trên đường xe điện, đường dành riêng cho xe buýt; dừng xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước, nơi có biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"; rời vị trí lái, tắt máy khi dừng xe; dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường;

(h) Quay đầu xe trái quy định trong khu dân cư;

(i) Quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, nơi có biển báo "Cấm quay đầu xe";

(k) Lùi xe ở đường một chiều, ở khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất; lùi xe không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

(l) Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ

nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 171/NĐ-CP.

(3) Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

(b) Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(c) Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ;

(d) Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: Bên trái đường một chiều; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi tầm nhìn bị che khuất; trên cầu, gầm cầu vượt, song song với một xe khác đang dừng, đỗ; nơi đường bộ giao nhau hoặc trong phạm vi 05 m tính từ mép đường giao nhau; điểm dừng đón, trả khách của xe buýt; trước cổng hoặc trong phạm vi 05 m hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ô tô ra vào; nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe; che khuất biển báo hiệu đường bộ;

(đ) Đỗ xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; đỗ xe trên đường xe điện, đường dành riêng cho xe buýt; đỗ xe trên

miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; đỗ xe nơi có biển "Cấm đỗ xe" hoặc biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"; đỗ, để xe ở hè phố trái quy định của pháp luật;

(e) Không sử dụng đủ đèn chiếu sáng khi trời tối hoặc khi sương mù; thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn; sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 5 Điều 5 Nghị định số 171/NĐ-CP;

(g) Xe không được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên;

(h) Xe ô tô kéo theo từ hai xe ô tô khác trở lên; xe ô tô đẩy xe khác; xe ô tô kéo xe thô sơ, mô tô, xe gắn máy hoặc kéo lê vật trên đường; xe kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kéo theo rơ moóc hoặc xe khác;

(i) Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển.

(4) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần; lùi xe, quay đầu xe trong hầm đường bộ; dừng xe, đỗ xe, vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định;

(b) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đường có biển "Cấm đi ngược chiều"; trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

(c) Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định;

(d) Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép;

(đ) Dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông;

(e) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

(g) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ;

(h) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi xe ô tô bị hư hỏng ngay tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;

(i) Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; điều khiển xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp hoặc phần lề đường của đường cao tốc; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc; quay đầu xe, lùi xe trên đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc; không tuân thủ quy định ghi trên biển báo hiệu về khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước khi chạy trên đường cao tốc;

(k) Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng trước khi tín hiệu đèn giao thông chuyển sang màu vàng.

(5) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

(b) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại điểm b khoản 7, điểm a khoản 8 Điều 5 Nghị định số 171/NĐ-CP.

(c) Vượt trong các trường hợp cấm vượt; không có báo hiệu trước khi vượt; vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép, trừ trường hợp tại đoạn đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường mà xe chạy trên làn đường bên phải chạy nhanh hơn xe đang chạy trên làn đường bên trái;

(d) Tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật.

(6) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h;

(b) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

(7) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h; điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

(b) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở;

(c) Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; tránh, vượt không đúng quy định gây tai nạn giao thông hoặc không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông;

(d) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ.

(8) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

(b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ.

(9) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ gây tai nạn giao thông hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ.

(10) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 24 tháng (trong trường hợp có Giấy phép lái xe) hoặc phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (trong trường hợp không có Giấy phép lái xe hoặc có nhưng đang bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe) đối với người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy.

b) Xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ

(1) Theo Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt;

(b) Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng

cách theo quy định của biển báo hiệu "Cự ly tối thiểu giữa hai xe";

(c) Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ;

(d) Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ;

(đ) Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

(e) Sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều;

(g) Người đang điều khiển xe sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; người ngồi trên xe sử dụng ô.

(2) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

(b) Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 (ba) xe trở lên;

(c) Không sử dụng đèn chiếu sáng khi trời tối hoặc khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn;

(d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

(đ) Tránh xe không đúng quy định; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

(e) Bấm còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(g) Xe được quyền ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ không có tín hiệu còi, cờ, đèn theo đúng quy định;

(h) Quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu xe.

(3) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;

(b) Không giảm tốc độ hoặc không nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

(c) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

(d) Điều khiển xe chạy tốc độ thấp mà không đi bên phải phần đường xe chạy gây cản trở giao thông;

(đ) Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 (ba) xe trở lên ở lòng đường, trên cầu, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở

lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật;

(e) Bấm còi, rú ga liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(g) Xe không được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên;

(h) Dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, trên cầu, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"; đỗ xe tại nơi có biển "Cấm đỗ xe" hoặc biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt;

(i) Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" hoặc đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

(k) Chở người ngồi trên xe không đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" hoặc đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

(l) Chở theo 02 (hai) người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

(m) Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP;

(n) Người ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước;

(o) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP.

(4) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ;

(b) Chở theo từ 03 (ba) người trở lên trên xe;

(c) Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng trước khi tín hiệu đèn giao thông chuyển sang màu vàng;

(d) Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép;

(đ) Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

(e) Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc;

(g) Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định hoặc điều khiển xe đi trên hè phố;

(h) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

(i) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đường có biển "Cấm đi ngược chiều", trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

(k) Người điều khiển xe hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh; người ngồi trên xe đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác;

(l) Chở hàng vượt trọng tải thiết kế được ghi trong Giấy đăng ký xe đối với loại xe có quy định về trọng tải thiết kế;

(m) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông.

(5) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

(b) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở;

(c) Vượt xe trong những trường hợp cấm vượt, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 4 Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP;

(d) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần; dừng xe, đỗ xe, vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

(đ) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

(6) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng chân chống hoặc vật khác quẹt xuống đường khi xe đang chạy;

(b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ;

(c) Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn giao thông;

(d) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

(đ) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h;

(e) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

(7) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe;

(b) Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

(c) Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

(d) Điều khiển xe thành nhóm từ 02 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

(8) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khoản 7 Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP mà gây tai nạn giao thông hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ.

(9) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 24 tháng (trong trường hợp có Giấy phép lái xe) hoặc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng (trong trường hợp không có Giấy phép lái xe hoặc có nhưng đang bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe) đối với người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy.

c) Xử phạt các hành vi vi phạm khác về quy tắc giao thông đường bộ

Điều 11 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP quy định:

(1) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ;

(b) Tập trung đông người trái phép, nằm, ngồi trên đường gây cản trở giao thông;

(c) Đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động thể thao khác trái phép trên đường giao thông; sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy.

(2) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân, từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Hợp chợ, mua, bán hàng hóa trên đường bộ ngoài đô thị;

(b) Để vật che khuất biển báo, đèn tín hiệu giao thông.

(3) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng đường bộ trái quy định để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội;

(b) Dựng cổng chào hoặc các vật che chắn khác trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

(c) Treo băng rôn, biểu ngữ trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

(d) Đặt, treo biển quảng cáo trên đất của đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị;

(đ) Không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu.

(e) Đổ rác, xả nước thải ra đường phố, hầm đường bộ không đúng nơi quy định, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11, khoản 5 Điều 20 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP.

(4) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Xây, đặt bục bệ trái phép trên đường phố; tự đập phá, tháo dỡ bó vỉa hè hoặc sửa chữa, cải tạo vỉa hè trái phép;

(b) Xả nước thải xây dựng từ các công trình xây dựng ra đường phố.

(5) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Ném đinh, rải đinh hoặc vật sắc nhọn khác, đổ dầu nhờn hoặc các chất gây trơn khác trên đường bộ, chằng dây hoặc các vật cản khác qua đường gây nguy hiểm đến người và phương tiện tham gia giao thông;

(b) Xâm phạm sức khỏe, tài sản của người bị nạn hoặc người gây tai nạn;

(c) Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

d) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ

Điều 12 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP quy định:

(1) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng, khai thác tạm thời trên đất hành lang an toàn đường bộ vào mục đích canh tác nông nghiệp làm ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông;

(b) Trồng cây trong phạm vi đất dành cho đường bộ làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông.

(2) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Xây dựng nhà ở trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị;...

(b) Dựng lều quán, cổng ra vào, tường rào các loại, công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(3) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Đổ, để trái phép vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP;

(b) Tự ý đào, đắp, san, lấp mặt bằng trong hành lang an toàn đường bộ;

(c) Tự ý gắn vào công trình báo hiệu đường bộ các nội dung không liên quan tới ý nghĩa, mục đích của công trình đường bộ;

(d) Sử dụng trái phép đất của đường bộ hoặc hành lang an toàn đường bộ làm nơi tập kết hoặc

trung chuyển hàng hóa, vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, các loại vật dụng khác;

(đ) Dựng lều quán, công trình tạm thời khác trái phép trong khu vực đô thị tại hầm đường bộ, cầu vượt, hầm cho người đi bộ, gầm cầu vượt;

(4) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Dựng biển quảng cáo trên đất hành lang an toàn đường bộ không được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

(b) Mở đường nhánh đấu nối trái phép vào đường chính.

(5) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức xây dựng công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

đ) Xử phạt người điều khiển xe ô tô (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông

Theo Điều 16 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không có kính chắn gió hoặc có nhưng vỡ, không có tác dụng (đối với xe có thiết kế lắp kính chắn gió).

(2) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe không có đủ đèn chiếu sáng, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu, cần gạt nước, gương chiếu hậu, dụng cụ thoát hiểm, thiết bị chữa cháy, đồng hồ báo áp lực hơi, đồng hồ báo tốc độ của xe hoặc có những thiết bị đó nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn thiết kế (đối với loại xe được quy định phải có những thiết bị đó);

(b) Điều khiển xe không có còi hoặc có nhưng còi không có tác dụng;

(c) Điều khiển xe không có bộ phận giảm thanh hoặc có nhưng không đúng quy chuẩn kỹ thuật.

(3) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe lắp thêm đèn chiếu sáng về phía sau xe;

(b) Điều khiển xe có hệ thống chuyên hướng của xe không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật;

(c) Điều khiển xe không gắn đủ biển số hoặc gắn biển số không đúng vị trí; biển số không rõ chữ, số; biển số bị bẻ cong, bị che lấp, bị hỏng;

(d) Điều khiển xe không lắp đủ bánh lốp hoặc lắp bánh lốp không đúng kích cỡ hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật;

(đ) Tự ý thay đổi kích thước thành thùng xe; tự ý lắp thêm hoặc tháo bớt ghế, giường nằm trên xe vận chuyển khách.

(4) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe, đăng ký rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc theo quy định;

(b) Điều khiển xe không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số);

(c) Điều khiển xe không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định) hoặc có nhưng đã hết hạn (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);

(d) Điều khiển xe lắp đặt, sử dụng còi vượt quá âm lượng theo quy định;

(đ) Điều khiển xe không đủ hệ thống hãm hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật.

(5) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

(b) Điều khiển xe quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông (đối với loại xe có quy định về niên hạn sử dụng);

(c) Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông (bao gồm cả xe công nông thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông);

(d) Điều khiển xe gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

(đ) Sử dụng Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, Giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).

e) Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông

Theo Điều 17 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe không có còi; đèn soi biển số; đèn báo hãm; gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng;

(b) Điều khiển xe gắn biển số không đúng quy định; biển số không rõ chữ, số; biển số bị bể cong, bị che lấp, bị hỏng;

(c) Điều khiển xe không có đèn tín hiệu hoặc có nhưng không có tác dụng.

(2) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng còi không đúng quy chuẩn kỹ thuật cho từng loại xe;

(b) Điều khiển xe không có bộ phận giảm thanh, giảm khói hoặc có nhưng không bảo đảm quy chuẩn môi trường về khí thải, tiếng ồn;

(c) Điều khiển xe không có đèn chiếu sáng gần, xa hoặc có nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn thiết kế;

(d) Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật;

(đ) Điều khiển xe lắp đèn chiếu sáng về phía sau xe.

(3) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe theo quy định;

(b) Sử dụng Giấy đăng ký xe đã bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

(c) Điều khiển xe không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số); gắn biển số không đúng với biển số đăng ký ghi trong Giấy đăng ký xe; biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

(4) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

(b) Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông.

g) Xử phạt người điều khiển xe thô sơ vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông

Theo Điều 18 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không có đăng ký, không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải đăng ký và gắn biển số).

(2) Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không có tác dụng;

(b) Điều khiển xe thô sơ chở khách, chở hàng không bảo đảm tiêu chuẩn về tiện nghi và vệ sinh theo quy định của địa phương.

h) Xử phạt người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông

Theo Điều 19 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe; không gắn biển số đúng vị trí quy định; gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

(b) Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có hệ thống hãm nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; điều khiển xe có hệ thống chuyển hướng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật;

(c) Điều khiển xe có các bộ phận chuyên dùng lắp đặt không đúng vị trí; không bảo đảm an toàn khi di chuyển;

(d) Điều khiển xe không có đèn chiếu sáng; không có bộ phận giảm thanh theo thiết kế;

(đ) Điều khiển xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định) hoặc có nhưng đã hết hạn.

(2) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe hoạt động không đúng phạm vi quy định;

(b) Điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo trái quy định tham gia giao thông.

i) Xử phạt người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông

Theo Điều 20 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi thải khí thải vượt quá tiêu chuẩn quy định, mùi hôi thối vào không khí.

(2) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Để dầu nhờn, hóa chất rơi vãi xuống đường bộ;

(b) Chở hàng rời, vật liệu xây dựng dễ rơi vãi mà không có mui, bạt che đậy hoặc có mui, bạt che đậy nhưng vẫn để rơi vãi; chở hàng hoặc chất thải để nước chảy xuống mặt đường gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường;

(c) Lôi kéo đất, cát hoặc chất phế thải khác ra đường bộ gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

(3) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm rơi, vãi chất thải trong quá trình thu gom, vận chuyển.

k) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới

Theo Điều 21 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự xe mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô.

(2) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

(b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe;

(c) Người điều khiển xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe.

(3) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo không mang theo Giấy phép lái xe;

(b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo không mang theo Giấy đăng ký xe;

(c) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo không mang theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định).

(4) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên;

(b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

(c) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô có Giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 06 (sáu) tháng.

(5) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều 21 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP.

(6) Phạt tiền từ 1.200.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô.

(7) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên, xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

(a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc đã hết hạn sử dụng từ 06 (sáu) tháng trở lên;

(b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

(l) Xử phạt chủ phương tiện vi phạm quy định liên quan đến giao thông đường bộ

Theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP.

(1) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Tự ý thay đổi nhãn hiệu, màu sơn của xe không đúng với Giấy đăng ký xe;

(b) Không làm thủ tục đăng ký sang tên xe (để chuyển tên chủ xe trong Giấy đăng ký xe sang tên của mình) theo quy định khi mua, được cho, được tặng, được phân bổ, được điều chuyển, được thừa kế tài sản là xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô.

(2) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô, từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Lắp kính chắn gió, kính cửa của xe không phải là loại kính an toàn;

(b) Tự ý thay đổi màu sơn của xe không đúng với màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe;

(c) Không thực hiện đúng quy định về biển số, quy định về kẻ chữ trên thành xe và cửa xe.

(3) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô, từ 1.600.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Tự ý cắt, hàn, đục lại số khung, số máy;

(b) Tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo hồ sơ đăng ký xe;

(c) Tự ý thay đổi khung, máy, hình dáng, kích thước, đặc tính của xe;

(d) Khai báo không đúng sự thật hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để được cấp lại biển số, Giấy đăng ký xe;

(đ) Giao xe hoặc để cho người không đủ điều

kiện theo quy định của Luật giao thông đường bộ điều khiển xe tham gia giao thông.

(4) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện hành vi không làm thủ tục đăng ký sang tên xe (để chuyển tên chủ xe trong Giấy đăng ký xe sang tên của mình) theo quy định khi mua, được cho, được tặng, được phân bổ, được điều chuyển, được thừa kế tài sản là xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng, các loại xe tương tự xe ô tô.

(5) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô, từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Tự ý cắt, hàn, đục lại số khung, số máy;

(b) tẩy xóa hoặc sửa chữa Giấy đăng ký xe, hồ sơ đăng ký xe, Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

(c) Không chấp hành việc thu hồi Giấy đăng ký xe; biển số xe; Giấy chứng nhận kiểm định an

toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định;

(d) Không làm thủ tục đổi lại Giấy đăng ký xe khi xe đã được cải tạo;

(đ) Khai báo không đúng sự thật hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để được cấp lại biển số, Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

(6) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Thuê, mượn linh kiện, phụ kiện của xe ô tô khi kiểm định;

(b) Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định ra tham gia giao thông.

(7) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô, từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Tự ý thay đổi tổng thành khung; tổng thành máy; hệ thống phanh; hệ thống truyền động; hệ thống chuyển động hoặc tự ý cải tạo kết cấu, hình

dáng, kích thước của xe không đúng thiết kế của nhà chế tạo hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tự ý thay đổi tính năng sử dụng của xe;

(b) Cải tạo các xe ô tô khác thành xe ô tô chở khách.

m) Xử phạt người đua xe trái phép, cố vũ đua xe trái phép

Theo Điều 34 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Tự tập để cố vũ, kích động hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định, lạng lách, đánh võng, đua nhau trên đường hoặc đua xe trái phép;

(b) Đua xe đạp, đua xe đạp máy, đua xe xích lô, đua xe súc vật kéo, cưỡi súc vật chạy đua trái phép trên đường giao thông.

(2) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với người đua xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện trái phép.

(3) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với người đua xe ô tô trái phép.

2. Đường sắt

2.1. Quy định về giao thông trên đường ngang

a) Giao thông trên đường ngang

Theo Điều 41 Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang:

Người đi bộ và phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua đường ngang phải thực hiện quy định sau đây:

(1) Phải ưu tiên cho các phương tiện giao thông hoạt động trên đường sắt;

(2) Phải chấp hành hướng dẫn của người gác đường ngang hoặc tín hiệu phòng vệ đường ngang:

(a) Hiệu lệnh của người gác chắn, cờ đỏ, biển đỏ, đèn đỏ;

(b) Chắn đường bộ;

(c) Tín hiệu đèn, tín hiệu chuông.

(3) Khi có báo hiệu dừng (hiệu lệnh của người gác chắn, cờ đỏ, biển đỏ, đèn đỏ, còi, chuông kêu, chắn đã đóng), người và tất cả các phương tiện tham gia giao thông đường bộ (kể cả những xe có quyền ưu tiên) đều phải dừng lại về bên phải đường của mình và trước báo hiệu dừng (trước "vạch dừng").

(4) Nghiêm cấm người không có nhiệm vụ tự ý mở chắn đường ngang khi chắn đã đóng.

(5) Cấm người không có trách nhiệm leo trèo, xô dịch, động chạm vào các tín hiệu, thiết bị đường ngang; vào nhà gác đường ngang.

(6) Đối với đường ngang quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang: người đi bộ và người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

khi sắp đi vào đường ngang phải dừng lại, chú ý quan sát biển báo, lắng nghe còi tàu, quan sát trên đường sắt từ xa ở 2 phía đường ngang, nếu thấy tàu hoặc phương tiện giao thông đường sắt đang đến gần đường ngang thì phải dừng trước đường ngang cách má ray ngoài cùng trở ra ít nhất 5 m và phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn.

b) Dừng, đỗ xe trong phạm vi đường ngang

Theo Điều 42 Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang:

1. Trong phạm vi đường ngang, cấm quay đầu xe và dừng, đỗ xe.

2. Khi cần phải đỗ xe gần đường ngang, người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ phải chấp hành biển chỉ dẫn giao thông đường bộ, nơi không có biển chỉ dẫn thì phải đỗ xe cách xa chắn đường bộ ít nhất 10 m ở nơi có chắn hoặc đỗ cách xa má ray ngoài cùng ít nhất 20 m ở nơi không có chắn nhưng không được ảnh hưởng đến tầm nhìn của người quan sát hệ thống báo hiệu đường ngang.

c) Phương tiện đặc biệt khi qua đường ngang

Theo Điều 43 Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang:

Xe bánh xích, các loại xe lu bánh sắt, các phương tiện vận tải chuyên chở hàng siêu trường,

siêu trọng, quá khổ giới hạn lưu thông trên đường bộ, trước khi đi qua đường ngang phải báo trước với nhân viên gác chắn để người đó bố trí và hướng dẫn đi qua đường ngang. Nơi không có nhân viên gác chắn thì phải báo trước cho đơn vị quản lý trực tiếp đoạn đường sắt đó để cử người phòng vệ và hướng dẫn đi qua đường ngang.

d) Xử lý khi có trở ngại trên đường ngang

Theo Điều 44 Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang:

Khi phương tiện giao thông đường bộ bị hư hỏng, bị tai nạn hoặc hàng hóa rơi đổ tại đường ngang không có nhân viên gác chắn mà điểm gần nhất của xe hoặc của hàng hóa cách ray ngoài cùng nhỏ hơn 1,7 m thì người điều khiển phương tiện giao thông đó phải tìm biện pháp để báo hiệu cho tàu dừng trước chướng ngại theo quy định.

đ) Xe thô sơ, súc vật qua đường ngang

Theo Điều 45 Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang:

Đoàn xe thô sơ, đàn súc vật khi qua đường ngang phải được chia ra từng tốp nhỏ theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ. Đối với súc vật qua đường ngang, người coi dẫn súc vật phải dẫn dắt chúng.

2.2. Một số báo hiệu đường ngang

Theo Phụ lục 2 Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang:

(1) Biển số 210 "Giao nhau với đường sắt có rào chắn".

Để báo trước sắp đến chỗ giao nhau giữa đường bộ và đường sắt có rào chắn kín hay rào chắn nửa kín và có nhân viên ngành đường sắt điều khiển giao thông.



Biển số 210

(2) Biển số 211a "Giao nhau với đường sắt không có rào chắn" và Biển số 211b "Giao nhau với đường tàu điện".

(a) Để báo trước sắp đến chỗ giao nhau giữa đường bộ và đường sắt không có rào chắn, không có người điều khiển giao thông phải đặt biển số 211a "Giao nhau với đường sắt không có rào chắn".

(b) Trong trường hợp có từng đoạn đường bộ và đường sắt cùng đi chung với nhau, như cầu đi chung cũng phải đặt một trong hai biển số 210

hoặc 211a cho phù hợp với thực tế có hay không có rào chắn.

(c) Nơi đặt biển số 211a, phải đặt thêm biển số 242 (a,b) "Nơi đường sắt giao nhau với đường bộ" đặt cách ray ngoài cùng của đường sắt là 10 m.

(d) Để chỉ nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường tàu điện, phải đặt biển số 211b "Giao nhau với đường tàu điện". Chỉ cần thiết phải đặt biển này khi đường tàu điện không được nhìn thấy rõ ràng và kịp thời.



Biển số 211a



Biển số 211b

(3) Biển số 242 (a,b) "Nơi đường sắt giao vuông góc với đường bộ".

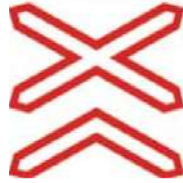
Để bổ sung cho biển số 211 "Giao nhau với đường sắt không có rào chắn", phải đặt biển số 242 (a,b) để chỉ chỗ đường sắt giao vuông góc đường bộ. Biển đặt trên đường bộ cách ray ngoài cùng của đường sắt là 10 m.

Nếu tại chỗ giao nhau đường sắt chỉ có một đường cắt ngang đường bộ thì đặt biển số 242a.

Nếu tại chỗ giao nhau đường sắt có từ hai đường cắt ngang đường bộ thì đặt biển số 242b.



Biển số 242a



Biển số 242b

(4) Biển báo số 243 (a,b,c) "Nơi đường sắt giao không vuông góc với đường bộ".

Để báo trước sắp đến vị trí giao cắt đường bộ với đường sắt cùng mức, không vuông góc và không có người gác, không có rào chắn phải đặt biển số 243 "Nơi đường sắt giao không vuông góc với đường bộ". Biển được đặt ở phía dưới biển số 211 "Giao nhau với đường sắt không có rào chắn". Báo hiệu đường sắt giao cắt không vuông góc với đường bộ gồm có 3 biển: Biển số 243a đặt ở nơi cách ray ngoài cùng nơi giao đường sắt 50 m biển số 243b và biển số 243c đặt cách ray ngoài cùng nơi giao đường sắt 100 m và 150 m.



Biển số 243a



Biển số 243b



Biển số 243c

2.3. Một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt

a) *Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm*

Theo Điều 46 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung, hầm khi đi qua đường ngang, cầu chung, hầm;

(b) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

(2) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

(3) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và

các loại xe tương tự xe gắn máy dùng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

(4) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

(5) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng dùng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

(6) Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng;

(b) Người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô dùng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

(7) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

(8) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vi phạm một trong các hành vi sau đây:

(a) Điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ làm hỏng cần chắn, giàn chắn;

(b) Điều khiển xe bánh xích, xe lu bánh sắt, các phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, quá khổ giới hạn đi qua đường ngang mà không thông báo cho đơn vị quản lý đường ngang, không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của đơn vị quản lý đường ngang.

(9) Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 46 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

b) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, khắc phục và giải quyết sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt

Theo Điều 47 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân biết tai nạn giao thông xảy ra trên đường sắt mà không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho nhà ga, đơn vị đường sắt, chính quyền địa phương hoặc cơ quan công an nơi gần nhất.

(2) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm mà không phát hiện kịp thời chướng ngại vật trên đường sắt có ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc đã phát hiện mà không thông báo kịp thời, không phòng vệ hoặc phòng vệ không đúng quy định.

(3) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm không thực hiện thông tin, báo cáo kịp thời về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

(4) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đủ các tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn giao thông đường sắt;

(b) Trốn tránh nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn;

(c) Khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt không đến ngay hiện trường để giải quyết;

(d) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình đường sắt bị hư hỏng;

(đ) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố làm ảnh hưởng đến việc chạy tàu;

(e) Gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

(5) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Cố ý thay đổi, xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt;

(b) Lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt;

(c) Gây tai nạn giao thông đường sắt mà cố ý bỏ trốn;

(d) Trốn tránh, không phối hợp, không chấp hành mệnh lệnh của người, cơ quan có thẩm quyền trong việc khắc phục hậu quả, khôi phục giao thông đường sắt.

(6) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không tổ chức phòng, chống và khắc phục kịp thời hậu quả do sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt để bảo đảm giao thông đường sắt an toàn, thông suốt;

(b) Không tuân thủ sự chỉ đạo, điều phối lực lượng của tổ chức phòng, chống sự cố, thiên tai, xử lý tai nạn giao thông đường sắt theo quy định;

(c) Không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt;

(d) Không đình chỉ chạy tàu khi thấy kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ gây mất an toàn chạy tàu.

c) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt

Theo Điều 48 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Đi, đứng, nằm, ngồi trong cầu, hầm dành riêng cho đường sắt trừ người đang làm nhiệm vụ;

(b) Vượt rào ngăn giữa đường sắt với khu vực xung quanh;

(c) Để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển;

(d) Đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên, xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu,

tay, chân và các vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy, trừ người đang thi hành nhiệm vụ;

(đ) Phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác;

(e) Để rơi vãi đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác lên đường sắt.

(2) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt;

(b) Để phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt.

(3) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt;

(b) Để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở giao thông đường sắt.

(4) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân làm rơi gỗ, đá hoặc các vật phẩm khác gây sự cố chạy tàu.

(5) Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

(a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 nêu trên bị buộc phải về vị trí quy định theo hướng dẫn của nhân viên đường sắt làm nhiệm vụ trên tàu;

(b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 nêu trên bị buộc phải đưa phương tiện vận tải thủy, bè, mảng ra khỏi phạm vi bảo vệ cầu đường sắt;

(c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 nêu trên bị buộc phải đưa phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa ra khỏi giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt;

(d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 nêu trên bị buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác;

(đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 1, điểm b khoản 3 nêu trên bị buộc phải đưa đất, cát, vật chướng ngại, các loại vật tư, vật liệu khác ra khỏi đường sắt.

d) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt

Theo Điều 49 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi đổ, để rác thải, phế thải sinh hoạt lên đường sắt.

(2) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Đổ, để chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt;

(b) Đổ đất, đá hoặc vật liệu khác lên đường sắt trái phép;

(c) Để chất dễ cháy, dễ nổ trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

(d) Che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt;

(đ) Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường sắt;

(e) Đặt tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép hoặc các vật liệu khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

(3) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Đào đất, lấy đá trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

(b) Làm hỏng, tự ý tháo dỡ tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt và đường bộ; di chuyển hoặc phá mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, mốc chỉ giới phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt;

(c) Làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt.

(4) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Tự ý mở đường ngang, kéo đường dây thông tin, đường dây tải điện, xây dựng cầu vượt, hầm chui, cống hoặc các công trình khác trái phép qua đường sắt;

(b) Tự ý khoan, đào, xẻ đường sắt trái phép;

(c) Tự ý tháo dỡ, làm xê dịch ray, tà vẹt, cấu kiện, phụ kiện, vật tư, trang thiết bị, hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt trái phép.

(5) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng chất nổ khai thác đá, cát, sỏi làm lún, nứt, sạt lở, rạn vỡ công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt;

(b) Kết nối đường sắt khác vào đường sắt quốc gia trái quy định.

đ) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt

Theo Điều 50 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt và an toàn giao thông đường sắt.

(2) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức làm hư hỏng công trình đường sắt.

(3) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên.

e) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt

Theo Điều 51 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt;

(b) Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, trồng cây cao trên 1,5 m, trồng cây trong

khoảng 02 m tính từ chân nền đường đắp, 05 m tính từ mép đỉnh mái đường đào hoặc 03 m tính từ mép ngoài rãnh thoát nước dọc, rãnh thoát nước đỉnh của đường;

(c) Mua bán hàng hóa, họp chợ, thả trâu, bò, gia súc trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt.

(2) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Để phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải hoặc các vật phẩm khác trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt (trừ phương tiện, thiết bị, vật liệu phục vụ thi công, sửa chữa công trình đường sắt);

(b) Dựng lều quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

(c) Di chuyển chậm trễ các công trình, nhà ở, lều quán hoặc cố tình trì hoãn việc di chuyển gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

(3) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

(b) Dựng biển quảng cáo trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

g) Xử phạt các hành vi vi phạm về làm, sử dụng vé tàu giả và bán vé tàu trái quy định

Theo Điều 66 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi sử dụng vé tàu giả để đi tàu.

(2) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Nhân viên bán vé của nhà ga, nhân viên bán vé của đại lý bán vé tàu, nhân viên bán vé trên tàu bán vé tàu trái quy định;

(b) Mua, bán vé tàu nhằm mục đích thu lợi bất chính.

(3) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Làm vé tàu giả;

(b) Vận chuyển vé tàu giả;

(c) Bán vé tàu giả;

(d) Tàng trữ vé tàu giả.

h) Xử phạt các hành vi vi phạm quy định khác

có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt

Theo Điều 67 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Bán hàng rong trên tàu, dưới ga;

(b) Không chấp hành nội quy đi tàu;

(c) Ném đất, đá hoặc các vật khác từ trên tàu xuống khi tàu đang chạy.

(2) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Gây mất trật tự, an toàn trên tàu, dưới ga;

(b) Đe dọa, xâm phạm sức khỏe, tài sản của hành khách và nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ;

(c) Mang theo động vật có dịch bệnh, động vật hoang dã vào ga, lên tàu;

(d) Mang theo tử thi, hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí vào ga, lên tàu trái quy định.

3. Đường thủy nội địa

3.1. Quy tắc giao thông và tín hiệu phương tiện

a) Chấp hành quy tắc giao thông đường thủy nội địa

Theo Điều 36 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi điều khiển phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa phải tuân theo quy tắc giao thông và báo hiệu đường thủy nội địa quy định tại Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

(2) Thuyền trưởng tàu biển, tàu cá khi điều khiển tàu biển, tàu cá hoạt động trên đường thủy nội địa phải tuân theo báo hiệu đường thủy nội địa và quy tắc giao thông quy định đối với phương tiện có động cơ.

(3) Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi hành trình phải điều khiển phương tiện với tốc độ an toàn để có thể xử lý các tình huống tránh va, không gây mất an toàn đối với phương tiện khác hoặc tổn hại đến các công trình; giữ khoảng cách an toàn giữa phương tiện mình đang điều khiển với phương tiện khác; phải giảm tốc độ của phương tiện trong các trường hợp sau đây:

(a) Đi gần phương tiện đang thực hiện nghiệp vụ trên luồng, phương tiện bị nạn, phương tiện chở hàng nguy hiểm;

(b) Đi trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa;

(c) Đi gần đê, kè khi có nước lớn.

(4) Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi hành trình không được bám, buộc phương tiện của mình vào phương tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm đang hành trình hoặc để phương

tiện chở khách, phương tiện chở hàng nguy hiểm bám, buộc vào phương tiện của mình, trừ trường hợp cứu hộ, cứu nạn hoặc trường hợp bất khả kháng.

b) Hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế và nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, luồng hẹp, luồng bị hạn chế

Theo Điều 37 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Khi hành trình trong điều kiện có sương mù, mưa to hoặc vì lý do khác mà tầm nhìn bị hạn chế, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải giảm tốc độ của phương tiện đồng thời phát âm hiệu theo quy định và phải có người cảnh giới ở những vị trí cần thiết trên phương tiện. Trường hợp không nhìn rõ đường thì phải neo đậu phương tiện, bố trí người cảnh giới và phát âm hiệu theo quy định của pháp luật.

(2) Khi phương tiện đi vào nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, luồng hẹp, luồng bị hạn chế, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải giảm tốc độ của phương tiện, phát tín hiệu nhiều lần theo quy định và đi sát về phía luồng đã báo cho đến khi phương tiện qua khỏi nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp, luồng hẹp, luồng bị hạn chế.

c) Quyền ưu tiên của phương tiện làm nhiệm vụ đặc biệt

Theo Điều 38 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Những phương tiện làm nhiệm vụ đặc biệt sau đây được ưu tiên đi trước khi qua âu tàu, cống, đập, cầu không mở thường xuyên, nơi có điều tiết giao thông, luồng giao nhau, luồng cong gấp, theo thứ tự sau đây:

(a) Phương tiện chữa cháy;

(b) Phương tiện cứu nạn;

(c) Phương tiện hộ đê;

(d) Phương tiện của quân đội, công an làm nhiệm vụ khẩn cấp;

(đ) Phương tiện, đoàn phương tiện có công an hộ tống hoặc dẫn đường.

(2) Phương tiện quy định phải chủ động phát tín hiệu điều động theo quy định của pháp luật.

(3) Thuyền trưởng, người lái phương tiện của phương tiện không quy định tại khoản 1 nêu trên khi thấy tín hiệu của phương tiện làm nhiệm vụ đặc biệt phải giảm tốc độ phương tiện của mình, đi sát về một phía luồng để nhường đường.

d) Phương tiện tránh nhau khi đi đối hướng nhau

Theo Điều 39 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Khi hai phương tiện đi đối hướng nhau có nguy cơ va chạm, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải giảm tốc độ, tránh và nhường đường theo nguyên tắc sau đây:

(a) Phương tiện đi ngược nước phải tránh và nhường đường cho phương tiện đi xuôi nước. Trường hợp nước đứng, phương tiện nào phát tín hiệu xin đường trước thì phương tiện kia phải tránh và nhường đường;

(b) Phương tiện thô sơ phải tránh và nhường đường cho phương tiện có động cơ, phương tiện có động cơ công suất nhỏ hơn phải tránh và nhường đường cho phương tiện có động cơ công suất lớn hơn, phương tiện đi một mình phải tránh và nhường đường cho đoàn lái;

(c) Mọi phương tiện phải tránh bè và tránh phương tiện có tín hiệu mất chủ động, phương tiện bị nạn, phương tiện đang thực hiện nghiệp vụ trên luồng.

(2) Khi tránh nhau, phương tiện được nhường đường phải chủ động phát tín hiệu điều động theo quy định tại Điều 46 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 và đi về phía luồng đã báo, phương tiện kia phải tránh và nhường đường.

đ) Phương tiện tránh nhau khi đi cắt hướng nhau

Theo Điều 40 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

Khi hai phương tiện đi cắt hướng nhau có nguy cơ va chạm, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải giảm tốc độ, tránh và nhường đường theo nguyên tắc sau đây:

(1) Phương tiện thô sơ phải tránh và nhường đường cho phương tiện có động cơ;

(2) Mọi phương tiện phải tránh bè;

(3) Phương tiện có động cơ nào nhìn thấy phương tiện có động cơ khác bên mạn phải của mình thì phải tránh và nhường đường cho phương tiện đó.

e) Thuyền buồm tránh nhau

Theo Điều 41 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Phương tiện khi di chuyển bằng buồm tránh nhau theo nguyên tắc sau đây:

(a) Thuyền đi thuận gió tránh thuyền đi ngược gió;

(b) Thuyền được gió mạn trái tránh thuyền được gió mạn phải;

(c) Thuyền đi trên gió tránh thuyền đi dưới gió.

(2) Phương tiện thô sơ khác phải tránh thuyền buồm.

g) Phương tiện vượt nhau

Theo Điều 42 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Phương tiện vượt nhau thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

(a) Phương tiện xin vượt phải phát âm hiệu một tiếng dài, lặp lại nhiều lần;

(b) Phương tiện bị vượt, khi nghe thấy âm hiệu xin vượt, nếu thấy an toàn phải giảm tốc độ và

phát âm hiệu điều động theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 46 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 và đi về phía luồng đã báo cho đến khi phương tiện xin vượt đã vượt qua; nếu không thể cho vượt thì phát âm hiệu 5 tiếng ngắn;

(c) Phương tiện xin vượt, khi nghe thấy âm hiệu điều động của phương tiện bị vượt thì mới được vượt; khi vượt phải phát âm hiệu báo phía vượt của mình và phải giữ khoảng cách ngang an toàn với phương tiện bị vượt.

(2) Phương tiện xin vượt không được vượt trong các trường hợp sau đây:

(a) Nơi có báo hiệu cấm vượt;

(b) Phía trước có phương tiện đi ngược lại hay có vật chướng ngại;

(c) Nơi luồng giao nhau, luồng cong gấp hoặc có báo hiệu chiều rộng luồng hạn chế;

(d) Khi đi qua khoang thông thuyền của cầu, cống, âu tàu, khu vực điều tiết giao thông;

(đ) Trường hợp khác không bảo đảm an toàn.

h) Phương tiện đi qua khoang thông thuyền của cầu, cống

Theo Điều 43 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Trước khi đưa phương tiện đi qua khoang thông thuyền, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải thực hiện các quy định sau đây:

(a) Nắm vững các thông số chiều rộng, chiều cao của khoang thông thuyền, tình trạng luồng và dòng chảy;

(b) Kiểm tra hệ thống lái, neo, đệm chống va, sào chống;

(c) Trường hợp là đoàn lái, phải lập phương án lắp ghép đội hình phù hợp với chiều rộng và chiều cao của khoang thông thuyền, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thuyền viên.

(2) Thuyền trưởng, người lái phương tiện chỉ được đưa phương tiện qua khoang thông thuyền khi xét thấy đủ điều kiện an toàn; trường hợp cần thiết, phải xin chỉ dẫn của bộ phận điều tiết giao thông hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa.

(3) Thuyền trưởng, người lái phương tiện phải điều khiển phương tiện đi đúng khoang có báo hiệu thông thuyền; đối với những khoang thông thuyền có phao dẫn luồng, phải điều khiển phương tiện đi trong giới hạn của hai hàng phao.

(4) Nơi khoang thông thuyền có dòng nước xoáy hoặc chảy xiết, nếu thấy không an toàn, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải tìm biện pháp để đưa phương tiện qua khoang thông thuyền an toàn; trường hợp phải chờ qua khoang thông thuyền, phương tiện phải được neo buộc chắc chắn tại vị trí an toàn và bố trí người trực trên phương tiện.

(5) Những nơi có điều tiết giao thông, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải chấp hành hiệu lệnh của người điều tiết giao thông.

i) Neo đậu phương tiện

Theo Điều 44 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Neo đậu phương tiện trong cảng, bến thủy nội địa phải đúng nơi quy định, chấp hành nội quy của cảng, bến thủy nội địa và phải bố trí người trông coi phương tiện.

Phương tiện neo đậu ở phía bờ phải để thuyền viên của các phương tiện đậu ở phía ngoài và những người thi hành công vụ đi qua.

(2) Trong trường hợp cần neo đậu phương tiện ở ngoài phạm vi cảng, bến thủy nội địa để hành khách lên xuống hoặc xếp, dỡ hàng hóa phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa. Phương tiện khác chỉ được cập mạn để đón trả hành khách, chuyển tải hàng hóa khi phương tiện này đã neo đậu xong.

(3) Trước khi rời cảng, bến thủy nội địa hoặc vị trí neo đậu, phương tiện phải phát âm hiệu, nếu thấy bảo đảm an toàn mới được nhổ neo.

(4) Phương tiện không được neo đậu ở giữa luồng, khu vực luồng giao nhau, luồng cong gấp, luồng hẹp, luồng bị hạn chế, trong hành lang bảo vệ cầu hoặc các công trình khác và những nơi có báo hiệu cấm neo đậu.

k) Tín hiệu của phương tiện

Theo Điều 45 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Tín hiệu của phương tiện dùng để thông báo tình trạng hoạt động của phương tiện, bao gồm:

(a) Âm hiệu là tín hiệu âm thanh phát ra từ còi, chuông, keng hoặc từ các vật khác;

(b) Đèn hiệu là tín hiệu ánh sáng được sử dụng từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc hoặc trong trường hợp tầm nhìn bị hạn chế;

(c) Dấu hiệu là những vật thể có hình dáng, màu sắc, kích thước được sử dụng trong các trường hợp do Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định;

d) Cờ hiệu là loại cờ có hình dáng, màu sắc, kích thước được sử dụng trong các trường hợp do Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định.

(2) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn kỹ thuật của âm hiệu, đèn hiệu, dấu hiệu và cờ hiệu.

1) Tín hiệu điều động

Theo Điều 46 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Khi cần đổi hướng đi, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải phát âm hiệu điều động phương tiện mà mình đang điều khiển như sau:

(a) Một tiếng ngắn là tín hiệu đổi hướng đi sang phải;

(b) Hai tiếng ngắn là tín hiệu đổi hướng đi sang trái;

(c) Ba tiếng ngắn là tín hiệu chạy lùi.

(2) Ngoài những âm hiệu quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014, phương tiện có thể đồng thời phát đèn hiệu như sau:

(a) Một chớp đèn là tín hiệu đổi hướng đi sang phải;

(b) Hai chớp đèn là tín hiệu đổi hướng đi sang trái;

(c) Ba chớp đèn là tín hiệu chạy lùi.

m) Âm hiệu thông báo

Theo Điều 47 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

Thuyền trưởng, người lái phương tiện thông báo tình trạng hoạt động của phương tiện mà mình đang điều khiển bằng âm hiệu như sau:

(1) Bốn tiếng ngắn là tín hiệu gọi các phương tiện khác đến giúp đỡ;

(2) Năm tiếng ngắn nhanh, liên tiếp là tín hiệu không thể nhường đường;

(3) Một tiếng dài là tín hiệu xin đường, các phương tiện khác chú ý;

(4) Hai tiếng dài là tín hiệu dừng lại;

(5) Ba tiếng dài là tín hiệu sắp cập bến, rời bến, chào nhau;

(6) Bốn tiếng dài là tín hiệu xin mở cầu, cống, âu tàu;

(7) Ba tiếng ngắn, ba tiếng dài, ba tiếng ngắn là tín hiệu có người trên phương tiện bị ngã xuống nước;

(8) Một tiếng dài, hai tiếng ngắn là tín hiệu phương tiện bị mắc cạn, phương tiện đang thực hiện nghiệp vụ trên luồng;

(9) Hai tiếng dài, hai tiếng ngắn là tín hiệu phương tiện mất chủ động.

3.2. Vận tải đường thủy nội địa

a) Vận tải hành khách đường thủy nội địa

Theo Điều 78 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Vận tải hành khách đường thủy nội địa gồm các hình thức sau đây:

(a) Vận tải hành khách theo tuyến cố định là vận tải có cảng, bến nơi đi, cảng, bến nơi đến và theo biểu đồ vận hành ổn định;

(b) Vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến là vận tải theo yêu cầu của hành khách trên cơ sở hợp đồng;

(c) Vận tải hành khách ngang sông là vận tải từ bờ bên này sang bờ bên kia, trừ vận tải ngang sông bằng phà.

(2) Người kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định hoặc vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến có trách nhiệm:

(a) Công bố và thực hiện đúng lịch chạy tàu hoặc thời gian vận tải, công khai cước vận tải, lập danh sách hành khách mỗi chuyến đi;

(b) Bố trí phương tiện bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

(3) Thuyền trưởng, người lái phương tiện chở khách hoặc phương tiện chở chung hành khách, hàng hóa phải thực hiện các quy định sau đây:

(a) Trước khi khởi hành phải kiểm tra điều kiện an toàn đối với người và phương tiện; phổ biến nội quy an toàn và cách sử dụng các trang thiết bị an toàn cho hành khách; không để hành khách đứng, ngồi ở các vị trí không an toàn;

(b) Xếp hàng hóa, hành lý của hành khách gọn gàng, không cản lối đi; yêu cầu hành khách mang theo động vật nhỏ phải nhốt trong lồng, cũi;

(c) Không chở hàng hóa dễ cháy, dễ nổ, hàng độc hại, động vật lớn chung với hành khách; không để hành khách mang theo súc vật đang bị dịch bệnh lên phương tiện;

(d) Khi có giông, bão không được cho phương tiện rời cảng, bến, nếu phương tiện đang hành trình thì phải tìm nơi trú ẩn an toàn.

b) Vận tải hành khách ngang sông

Theo Điều 79 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

(1) Phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

(2) Ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thuyền trưởng, người lái phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải thực hiện các quy định sau đây:

(a) Có đủ dụng cụ cứu sinh còn hạn sử dụng và bố trí đúng nơi quy định;

(b) Hướng dẫn hành khách lên, xuống; sắp xếp hàng hóa, hành lý; hướng dẫn hành khách ngồi bảo đảm ổn định phương tiện;

(c) Chỉ được cho phương tiện rời bến khi hành khách đã ngồi ổn định, hàng hóa, hành lý, xe máy, xe đạp đã xếp gọn gàng và sau khi đã kiểm tra phương tiện không chìm quá vạch dấu mớn nước an toàn;

(d) Không chở người quá sức chở người của phương tiện, chở hàng hóa quá trọng tải quy định.

(3) Hành khách phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của thuyền trưởng, người lái phương tiện.

c) Vận tải bằng phương tiện nhỏ

Theo Điều 80 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014:

Phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần dưới 5 tấn, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa, phương tiện không có

động cơ có sức chở đến 12 người, khi chở người phải có đủ chỗ ngồi ổn định, an toàn và có đủ dụng cụ cứu sinh tương ứng với số người trên phương tiện; khi chở hàng hóa không được chở quá trọng tải quy định, không được xếp hàng hóa che khuất tầm nhìn của người lái phương tiện, không gây mất ổn định và không làm ảnh hưởng đến việc điều khiển phương tiện.

3.3. Quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông

a) Trang bị và bố trí áo phao, dụng cụ nổi cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông

Theo Điều 4 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10-5-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng có phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT).

(1) Phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải trang bị đủ số lượng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân, bảo đảm đáp ứng đủ số lượng cho tất cả mọi người được chở trên phương tiện (bao gồm hành khách, thuyền viên và người lái phương tiện).

(2) Áo phao và dụng cụ nổi cá nhân sử dụng trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải bảo đảm chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn

quy định và được bảo quản khô ráo, sạch sẽ và bảo đảm tính năng an toàn kỹ thuật khi sử dụng.

(3) Áo phao, dụng cụ nổi cá nhân phải được để ở chỗ thuận tiện, dễ nhìn thấy, dễ lấy và không làm che khuất tầm nhìn của người lái phương tiện thủy nội địa.

b) Sử dụng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông

Theo Điều 5 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT:

Mọi hành khách, thuyền viên, người lái phương tiện trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải mặc áo phao hoặc cạp (đeo) dụng cụ nổi cá nhân trong suốt hành trình của phương tiện từ lúc rời bến đến khi cập bến an toàn.

c) Trách nhiệm của chủ khai thác bến khách ngang sông

Theo Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT:

(1) Tuyên truyền, vận động các chủ phương tiện, hành khách khi tham gia giao thông bằng phương tiện vận tải hành khách ngang sông thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT.

(2) Chỉ cho phương tiện hoạt động tại bến khi phương tiện đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 và các quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10-5-2012 của Bộ Giao thông vận tải.

(3) Liên đới chịu trách nhiệm liên quan đến sự cố hoặc tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình vận tải hành khách ngang sông đối với trường hợp cho phương tiện rời bến khi thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách không mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách.

d) Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện vận tải hành khách ngang sông

Theo Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT:

(1) Chủ phương tiện vận tải hành khách ngang sông có trách nhiệm trang bị áo phao, dụng cụ nổi cá nhân trên phương tiện phải bảo đảm đầy đủ về số lượng và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

(2) Thuyền viên, người lái phương tiện vận tải khách ngang sông có trách nhiệm:

(a) Trước khi cho phương tiện rời bến phải phát cho mỗi hành khách đi trên phương tiện một (01) áo phao hoặc một (01) dụng cụ nổi cá nhân để sử dụng;

(b) Hướng dẫn và yêu cầu hành khách trên phương tiện mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách trong suốt hành trình của phương tiện.

(3) Từ chối chuyên chở đối với những hành khách không tuân thủ việc mặc áo phao hoặc sử dụng dụng cụ nổi cá nhân theo hướng dẫn.

(4) Chịu trách nhiệm liên quan đến sự cố hoặc tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình vận tải hành khách ngang sông khi hành khách không mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách.

đ) Trách nhiệm của hành khách

Theo Điều 8 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT:




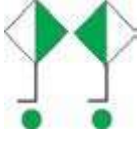
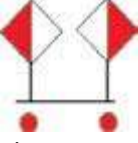
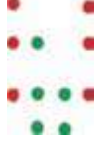














(1) Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện trong việc thực hiện quy định về mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông trong suốt hành trình của phương tiện.

(2) Chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do việc không tuân thủ các quy định, hướng dẫn về mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách khi tham gia giao thông bằng phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

3.4. Một số biển báo hiệu đường thủy nội địa

Theo Bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 73/2011/TT-BGTVT ngày 30-12-2011 của Bộ Giao thông vận tải:

a) Báo hiệu thông báo cấm


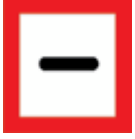


			
Cấm đi qua đặt ở dưới nước (C1.1.1a)	Cấm đi qua đặt ở trên bờ (C1.1.1b)	Được phép đi qua (C1.1.2)	Chỉ được phép đi giữa hai biển báo hiệu (C1.1.3)
			
Cấm đi ra ngoài phạm vi hai biển báo hiệu (C1.1.4)	Tín hiệu giao thông qua âu thuyền (C1.2)	Báo hiệu cấm thả neo, cấm kéo rê neo, cáp hay xích (C1.3)	Báo hiệu cấm đỗ (C1.4)
			
Báo hiệu cấm buộc tàu thuyền (C1.5)	Báo hiệu hạn chế tạo sóng (C1.6)	Báo hiệu cấm tàu thuyền quay trở (C1.7)	Báo hiệu cấm vượt (C1.8)
			
Cấm các đoàn kéo đẩy vượt nhau (C1.9)	Cấm phương tiện cơ giới (C1.10)	Cấm phương tiện thô sơ (C1.11)	Cấm hoạt động thể thao (C1.12)
			
Cấm rẽ phải (C.13)	Cấm rẽ trái (C.14)	Cấm bơi lội (C.15)	Cấm lướt ván (C.16)

			
Cấm lướt ván buồm (C.17)	Cấm tàu thuyền chạy buồm (C.18)	Kết thúc khu vực cấm tàu thể thao và tàu giải trí cỡ nhỏ chạy với tốc độ cao (C.19)	

b) Báo hiệu thông báo sự hạn chế













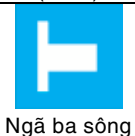



			
Báo hiệu báo chiều cao tĩnh không bị hạn chế (C2.1)	Báo hiệu báo chiều sâu luồng bị hạn chế (C2.2)	Báo hiệu báo chiều rộng luồng bị hạn chế (C2.3)	Báo hiệu "luồng cách bờ" (C2.4)
			
Báo hiệu thông báo đoàn lái dắt bị hạn chế (C2.5)	Báo hiệu thông báo chiều rộng đoàn lái dắt bị hạn chế (C2.6)	Báo hiệu thông báo chiều dài đoàn lái dắt bị hạn chế (C2.7)	Báo hiệu quy định tần số liên lạc theo khu vực (C2.8)










c) Báo hiệu chỉ dẫn

			
Báo hiệu "Chú ý nguy hiểm" (C3.1)	Báo hiệu "Dừng lại" (C3.2)	Phát tín hiệu âm thanh (C3.3)	Được phép đi ngang qua luồng về phía trái (C3.4)

			
Được phép đi ngang qua luồng về bên phải (C3.5)	Dòng chảy ngang lớn (C3.6)	Hướng rẽ phải (C3.7)	Hướng rẽ trái (C3.8)

d) Báo hiệu thông báo

			
Báo hiệu phía trước có đường dây điện qua (C4.1)	Được phép neo đậu (C4.2)	Chiều rộng vùng nước được phép neo đậu (C4.3)	Số hàng tối đa được phép neo đậu (C4.4)
			
Báo vị trí Đoạn, Trạm quản lý ĐTNĐ (C4.5)	Biển báo hiệu có bến phà, bến khách ngang sông (C4.6)	Báo hiệu chỉ điểm kết thúc một tình huống (C4.7)	Báo hiệu khu vực tiếp giáp (C4.8)
			
Báo hiệu có trạm kiểm tra giao thông đường thủy (C4.9)	Báo hiệu cống, đập hoặc âu thuyền (C4.10)	Báo hiệu báo cây số đường thủy nội địa (C4.11)	Báo hiệu báo lý trình sông kênh (C4.12)
			
Ngã ba sông hẹp hoặc luồng phụ gặp sông rộng hoặc luồng chính (C4.13.1)	Ngã ba sông rộng hoặc luồng chính gặp sông hẹp hoặc luồng phụ (C4.13.2)	Ngã tư sông rộng hoặc luồng chính gặp sông hẹp hoặc luồng phụ (C4.13.3)	Ngã tư sông hẹp hoặc luồng phụ gặp sông rộng hoặc luồng chính (C4.13.4)

			
<p>Nơi giao nhau của nhiều sông kênh (C4.13.5)</p>	<p>Báo hiệu ngã tư (C4.13.6)</p>	<p>Báo hiệu ngã ba (C4.13.7)</p>	<p>Báo hiệu khu vực được phép tổ chức các hoạt động thể thao hoặc giải trí (báo hiệu chung) (C4.14)</p>
			
<p>Được phép quay trở (C4.15)</p>	<p>Báo công trình ngầm vượt sông (C4.16)</p>	<p>Khu vực được phép lướt ván (C4.17)</p>	<p>Khu vực được phép lướt ván buồm (C4.18)</p>
			
<p>Khu vực tàu thuyền chạy buồm được phép đi lại (C4.19)</p>	<p>Khu vực cho phép tàu thể thao và giải trí đi lại với tốc độ cao (C4.20)</p>	<p>Báo có trạm điện thoại (C4.21)</p>	<p>Báo có trạm bán xăng dầu (C4.22)</p>
			
<p>Báo hiệu báo tần số liên lạc để được trả lời những thông tin cần thiết cho việc tàu chạy (C4.23)</p>			

3.5. Một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

a) Vi phạm quy định về thiết bị, dụng cụ an toàn của phương tiện

Theo Điều 41 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20-8-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 93/2013/NĐ-CP).

(1) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần dưới 05 tấn hoặc có sức chở đến 12 người; phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 mã lực hoặc có sức chở dưới 05 người vào hoạt động mà không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ dụng cụ an toàn theo quy định.

(2) Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi trang bị không đủ số lượng, không đúng chủng loại, không bảo đảm chất lượng hoặc bố trí không đúng vị trí một trong các thiết bị, dụng cụ cứu sinh, cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, neo đậu, liên kết phương tiện theo quy định như sau:

(a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở

trên 12 người đến 50 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính từ 05 mã lực đến 15 mã lực hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

(b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 15 mã lực đến 100 mã lực hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

(c) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 100 mã lực đến 400 mã lực hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

(d) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 500 tấn; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 400 mã lực hoặc có sức chở trên 100 người, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn.

(3) Xử phạt đối với hành vi không trang bị một trong các loại thiết bị, dụng cụ cứu sinh, cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, neo đậu, liên kết phương tiện theo quy định như sau:

(a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần từ 05 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính từ 05 mã lực đến 15 mã lực hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người;

(b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 15 mã lực đến 100 mã lực hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

(c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên đến 100 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 100 mã lực đến 400 mã lực hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

(d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 500 tấn; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 400 mã lực hoặc có sức chở trên 100 người, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn.

(4) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu cao tốc khi hoạt động nhưng không có thiết bị giám sát hành trình hoặc thiết bị giám sát hành trình không hoạt động theo quy định.

b) Vi phạm quy định về khai thác cảng, bến thủy nội địa

Theo Điều 51 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với chủ cảng, bến thủy nội địa có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không có bảng nội quy đối với cảng, bến thủy nội địa theo quy định phải có bảng nội quy; cảng, bến khách không có bảng niêm yết giá vé theo quy định;

(b) Không bố trí, bố trí không đầy đủ hoặc không bảo đảm điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nhà chờ cho hành khách;

(c) Bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

(2) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với chủ bến thủy nội địa có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Khai thác bến thủy nội địa quá phạm vi vùng nước hoặc khai thác quá thời hạn cho phép; khai thác không đúng mục đích; tự ý thay đổi kết

cấu, kích thước của bến thủy nội địa so với quy định trong giấy phép hoạt động;

(b) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

(c) Sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;

(d) Để hành khách xuống phương tiện quá sức chở của phương tiện hoặc xếp hàng hóa xuống phương tiện quá vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện;

(đ) Xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi phương tiện chưa được phép vào vị trí xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách;

(e) Tiếp nhận phương tiện có môn nước thực chở hoặc kích thước lớn hơn so với quy định trong giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

(3) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đưa bến thủy nội địa vào hoạt động mà không có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền.

(4) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với chủ cảng thủy nội địa có một trong các hành vi sau đây:

(a) Khai thác cảng thủy nội địa không đúng mục đích; quá phạm vi vùng nước hoặc khai thác quá thời hạn cho phép so với quyết định công bố; thay đổi kết cấu, kích thước, chức năng của cảng mà chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

(b) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

(c) Sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;

(d) Chuyên chở hành khách quá sức chở của phương tiện hoặc xếp, chuyên chở hàng hóa quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện;

(đ) Xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi phương tiện chưa được cơ quan có thẩm quyền tại cảng thủy nội địa cho phép vào vị trí xếp, dỡ hàng hóa theo quy định;

(e) Tiếp nhận phương tiện có mớn nước thực chở hoặc kích thước lớn hơn so với quy định trong quyết định công bố của cơ quan có thẩm quyền.

(5) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi đưa cảng vào khai thác mà chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố.

c) Vi phạm quy định về hoạt động của phương tiện trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa

Theo Điều 52 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với thuyền viên, người lái phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 30 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính đến 15 mã lực hoặc có sức chở đến 12 người có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Vi phạm nội quy cảng, bến thủy nội địa hoặc gây mất trật tự tại cảng, bến thủy nội địa;

(b) Điều khiển phương tiện rời, vào cảng, bến thủy nội địa mà không có giấy phép rời, vào cảng, bến thủy nội địa theo quy định;

(c) Không thực hiện sự điều động của người có thẩm quyền huy động phương tiện để cứu người, phương tiện bị nạn;

(d) Tự ý di chuyển phương tiện hoặc neo đậu phương tiện không đúng nơi quy định trong phạm vi vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

(2) Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này đối với mỗi loại phương tiện như sau:

(a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn hoặc có sức chở trên 30 người đến 100 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 15 mã lực đến 100 mã lực hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

(b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 500 tấn hoặc có sức chở trên 100 người; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 100 mã lực đến 400 mã lực hoặc có sức chở trên 50 người đến 100 người hoặc đoàn tàu lai trọng tải toàn phần đến 1.000 tấn;

(c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng

tải toàn phần trên 500 tấn; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 400 mã lực hoặc có sức chở trên 100 người hoặc đoàn tàu lai có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn.

(3) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện vào xếp, dỡ hàng hóa, đón trả hành khách tại cảng, bến thủy nội địa chưa được công bố hoặc chưa được cấp giấy phép hoạt động.

d) Vi phạm quy định về xếp, dỡ hàng hóa trên phương tiện

Theo Điều 53 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn, phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính đến 15 mã lực:

(a) Xếp, dỡ hàng hóa làm nghiêng lệch phương tiện;

(b) Xếp hàng hóa che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc cản trở hoạt động của hệ thống lái, neo và các trang thiết bị an toàn khác;

(c) Xếp hàng hóa vượt quá kích thước chiều ngang, chiều dọc của phương tiện;

(d) Xếp hàng hóa trên nắp hầm hàng của phương tiện không đúng quy định.

(2) Xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1

Điều 53 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP áp dụng đối với mỗi loại phương tiện như sau:

(a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 100 tấn; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 15 mã lực đến 100 mã lực;

(b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện không có động cơ, trọng tải toàn phần trên 100 tấn; phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 100 mã lực đến 400 mã lực, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

(c) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện có động cơ, tổng công suất máy chính trên 400 mã lực, đoàn tàu lai trọng tải toàn phần trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

(d) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng đối với đoàn tàu lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn.

(3) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc sắp xếp hàng hóa theo đúng quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 nêu trên.

đ) Vi phạm quy định về vận chuyển người, hành khách

Theo Điều 54 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người sử dụng phương

tiện không có động cơ sức chở đến 12 người để vận chuyển người, hành khách có một trong các vi phạm sau đây:

(a) Không bố trí chỗ ngồi cho người, hành khách; để người, hành khách đứng trên phương tiện hoặc có hành vi khác làm mất an toàn của phương tiện; để người, hành khách ngồi trên mui hoặc hai bên mạn của phương tiện;

(b) Xếp người, hành khách, hàng hóa, hành lý, xe đạp, mô tô, xe máy, phương tiện khác làm nghiêng lệch phương tiện hoặc che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện;

(c) Không có nội quy an toàn hoặc không phổ biến nội quy an toàn, không hướng dẫn cách sử dụng thiết bị an toàn cho người, hành khách trên phương tiện;

(d) Chở động vật nhỏ mà không nhốt trong lồng, cũi hoặc chở động vật lớn cùng với người, hành khách trên phương tiện;

(đ) Không có bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự theo quy định.

(2) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người sử dụng phương tiện không có động cơ sức chở trên 12 người; phương tiện có động cơ, sức chở đến 12 người để vận chuyển người, hành khách có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Đón, trả hành khách không đúng nơi quy định;

(b) Không bố trí chỗ ngồi cho người, hành khách; để người, hành khách đứng trên phương tiện hoặc có hành vi khác làm mất an toàn của phương tiện;

(c) Không có nội quy an toàn hoặc không phổ biến nội quy an toàn, không hướng dẫn cách sử dụng thiết bị an toàn cho người, hành khách trên phương tiện;

(d) Để người, hành khách đứng, ngồi trên mui hoặc hai bên mạn của phương tiện;

(đ) Không có danh sách hành khách trong mỗi chuyến hoặc có danh sách hành khách nhưng không đúng quy định, trừ vận chuyển hành khách ngang sông;

(e) Xếp hàng hóa, hành lý trên lối đi của hành khách;

g) Chở động vật nhỏ mà không nhốt trong lồng, cũi hoặc chở động vật lớn cùng với người, hành khách;

(h) Không có bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự theo quy định.

(3) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật lớn chung với hành khách.

(4) Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở vượt quá sức chở người của phương tiện vận tải hành khách ngang sông, phương tiện vận tải hành khách theo hợp đồng như sau:

(a) Phạt tiền 50.000 đồng trên mỗi người chở vượt quá số người được phép chở, nếu chở vượt từ 5% đến 20% số người được phép chở;

(b) Phạt tiền 70.000 đồng trên mỗi người chở vượt quá số người được phép chở, nếu chở vượt trên 20% đến 50% số người được phép chở;

(c) Phạt tiền 100.000 đồng trên mỗi người chở vượt quá số người được phép chở, nếu chở vượt trên 50% số người được phép chở.

(5) Phạt tiền bằng từ 03 đến 05 lần giá vé trên mỗi hành khách chở vượt quá số người được phép chở đối với phương tiện vận tải hành khách theo tuyến cố định, phương tiện vận chuyển khách du lịch.

Trường hợp phương tiện được phép chở người và chở hàng hóa, nếu chở người vượt quá sức chở của phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 54 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP, nếu chở hàng hóa quá vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 56 của Nghị định này.

e) Vi phạm của hành khách

Theo Điều 55 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi không chấp hành nội quy an toàn trên phương tiện, không chấp hành sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện.

(2) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi không mặc áo phao cứu sinh hoặc không mang dụng cụ nổi cứu sinh khi tham gia giao thông trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

(3) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Mang hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm vận tải chung với hành khách;

(b) Gây mất trật tự, an toàn trên phương tiện.

g) Vi phạm chỗ quá vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện

Theo Điều 56 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP:

(1) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi chỗ hàng hóa quá vạch dấu môn nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn tàu lai.

(2) Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chỗ hàng hóa quá vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện từ trên 1/5 đến 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn tàu lai như sau:

(a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn;

(b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần từ trên 15 tấn đến 50 tấn;

(c) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 100 tấn;

(d) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 150 tấn;

(đ) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 150 tấn đến 300 tấn;

(e) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 300 tấn đến 500 tấn hoặc đoàn tàu lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

(g) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc đoàn tàu lai trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

(h) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc đoàn tàu lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn;

(i) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với đoàn tàu lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.

(3) Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mốc nước an toàn trên 1/2 chiều cao mạn khô của phương tiện, kể cả một trong các phương tiện của đoàn tàu lai như sau:

(a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần đến 15 tấn;

(b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến 50 tấn;

(c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 100 tấn;

(d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 100 tấn đến 150 tấn;

(đ) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 150 tấn đến 300 tấn;

(e) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 300 tấn đến 500 tấn hoặc đoàn tàu lai trọng tải toàn phần đến 400 tấn;

(g) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc đoàn tàu lai trọng tải toàn phần từ trên 400 tấn đến 1.000 tấn;

(h) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với phương tiện trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc đoàn tàu lai trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn;

(i) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đoàn tàu lai trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.

(4) Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 nêu trên.

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN VÀ GIẢI ĐÁP XỬ LÝ
CÁC TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT
GIAO THÔNG

Câu 1. Khi đi trên đường, nếu gặp các loại xe công kên như xe công nông đang chở đầy hàng, một chiếc máy kéo, xe thô,... người điều khiển phương tiện nếu muốn vượt thì phải làm thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình lưu thông trên đường, nếu gặp các loại xe chở hàng công kên nêu trên, cần tuân thủ quy tắc xin vượt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ năm 2008 như sau:

Thứ nhất: Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

Thứ hai: Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy

trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

Đối với các chủ phương tiện khi chờ hàng công kênh cần chú ý: Việc xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông cần phải tuân thủ các quy định về tổng trọng lượng của xe, tải trọng trục xe, chiều cao, chiều rộng, chiều dài xếp hàng hóa được phép của xe và không vượt quá tải trọng thiết kế của xe được ghi trong giấy đăng ký xe; Hàng hóa xếp trên xe phải gọn gàng, chằng buộc chắc chắn, không để rơi vãi dọc đường, không kéo lê hàng trên mặt đường và không gây cản trở cho việc điều khiển xe.

Câu 2. Anh A đang điều khiển xe gắn máy đi trên đường. Đến đoạn đường giao cắt với ngõ nhỏ thì bị anh B điều khiển xe gắn máy khác đi từ ngõ ra đâm vào, xảy ra tai nạn. Trách nhiệm thuộc về ai?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

Đường chính là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

Đường nhánh là đường nối vào đường chính.

Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cấm biển báo hiệu đường ưu tiên.

Như vậy, với tình huống trên, nếu anh A đang đi trên đường chính, gặp anh B điều khiển xe từ trong ngõ đâm vào, tai nạn xảy ra trách nhiệm thuộc về anh B.

Để bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện xe cơ giới cần chú ý quan sát, giảm tốc độ tới mức an toàn tại nơi đường giao nhau, tránh xảy ra những tai nạn đáng tiếc.

Câu 3. Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy ở những đoạn dốc lên nguy hiểm, cần giữ khoảng cách với các phương tiện đi trước cùng chiều như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe

của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17-7-2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Theo Thông tư này, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn giữa hai xe cơ giới.

Đối với đường cao tốc, đường cấp cao, đường khai thác theo quy chế riêng, khi mặt đường khô ráo thì khoảng cách an toàn ứng với mỗi tốc độ được quy định rất cụ thể, ví dụ: tốc độ lưu hành đến 60 km/h, khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe là 30 m; tốc độ lưu hành trên 60 km/h đến 80 km/h, khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe là 50 m... (Theo Điều 12 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT nêu trên).

Khi trời mưa, có sương mù, mặt đường trơn trượt, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, người lái xe phải điều chỉnh khoảng cách an toàn thích hợp lớn hơn khoảng cách an toàn ghi trên biển báo hoặc quy định nói trên. Ví dụ, với tốc độ lưu hành đến 60 km/h, khoảng cách an toàn tối thiểu giữa hai xe trên 30 m (Theo Điều 12 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT nêu trên).

Thông tư cũng quy định trong một số trường hợp cụ thể như có chướng ngại vật trên đường; chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế; qua cầu, cống hẹp, khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc... người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (tức là có thể dừng lại một cách an toàn).

Câu 4. Người điều khiển xe gắn máy trên đường giao thông nông thôn, do thiếu quan sát nên đâm vào một con vật bất ngờ chạy qua đường và bị tai nạn. Trong trường hợp này ai là người chịu trách nhiệm? Chủ của con vật có phải chịu trách nhiệm không? Tại sao?

Trả lời:

Đây là tình huống có thể bắt gặp nhiều ở khu vực nông thôn. Chúng ta đều biết, tập quán nuôi thả gia súc, gia cầm, vật nuôi đã có từ lâu đời trong các vùng nông thôn Việt Nam. Gần đây, cùng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, việc chăn nuôi theo hình thức này tuy có giảm bớt nhưng chưa phải là hết hẳn; đặc biệt ở các tuyến đường thuộc khu vực nông thôn, người dân thường thả rông trâu, bò, gia cầm... Từ đó, đã xảy ra không ít vụ tai nạn giao thông do người đang chạy mô tô, xe gắn máy, xe ô tô va phải súc vật trên đường hoặc súc vật bất ngờ lao ra đường.

Điểm c khoản 2 Điều 35 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: "Không được thả rông súc vật trên đường bộ".

Như vậy, trong trường hợp trên chủ của súc vật đã vi phạm Luật giao thông đường bộ, phải chịu trách nhiệm và phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra cho người khác theo quy định của pháp luật.

Câu 5. Người điều khiển mô tô, xe gắn máy đi đến ngã ba, nếu muốn rẽ phải, có cần bật đèn xin đường không? Nếu không bật có sai phạm gì không? Xử lý như thế nào?

Trả lời:

Khi tham gia giao thông, đến các ngã ba, ngã tư, đường có các hướng rẽ khác nhau, nhiều trường hợp người điều khiển phương tiện đột ngột rẽ phải mà không có tín hiệu báo hướng rẽ, gây bất ngờ cho các phương tiện phía sau không chủ động điều khiển phương tiện, dễ xảy ra những va chạm giao thông.

Điều 15 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.

Như vậy nếu muốn rẽ phải thì người điều khiển phương tiện phải có tín hiệu báo hướng rẽ phải.

Trường hợp vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng quy định tại điểm a khoản 4

Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 của Chính phủ.

Câu 6. Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy phải tuân theo những quy tắc gì khi tham gia giao thông?

Trả lời:

Tại Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy phải tuân theo quy tắc sau:

Thứ nhất: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp: Chở người bệnh đi cấp cứu; Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật hoặc chở trẻ em dưới 14 tuổi thì được chở tối đa hai người.

Thứ hai: Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Thứ ba: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi: Đi xe dàn hàng ngang; Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác; Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh; Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với

xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh; Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Thứ tư: Người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy khi tham gia giao thông không được thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Mang, vác vật cồng kềnh;
- b) Sử dụng ô;
- c) Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- d) Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;
- đ) Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Để đảm bảo an toàn trong tham gia giao thông, người tham gia giao thông cần tuân thủ những quy tắc giao thông đường bộ được quy định tại Chương II Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Câu 7. Cài mũ bảo hiểm như thế nào thì đúng quy cách?

Trả lời:

Việc quy định về đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông đã có từ năm 2007. Tuy nhiên hiện nay, tình trạng không đội mũ bảo hiểm, hoặc đội mũ bảo hiểm không đúng quy cách diễn ra khá phổ biến. Còn rất nhiều người đội mũ để chống đối và các lỗi thường gặp đó là: không cài dây mũ, đội mũ vải - mũ lưỡi trai ở trong mũ bảo hiểm, đội ngược mũ từ phía trước ra sau, thậm chí tháo xóp lót mũ ra khỏi mũ...

Không đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô, xe gắn máy, khi gặp tai nạn sẽ rất dễ dẫn tới tử vong hoặc tàn tật suốt đời do chấn thương sọ não. Đội mũ bảo hiểm không đúng cách, đặc biệt là đội mũ bảo hiểm mà không cài quai mũ, mũ sẽ có thể bị rơi khỏi đầu, như vậy đầu chúng ta sẽ không có gì bảo vệ, đồng thời tạo ra nguy hiểm cho những người đi phía sau, nếu không kịp thời phòng tránh.

Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BKHCN-BCT-BCA-BGTVT ngày 02-8-2013 giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải đã quy định cụ thể về trách nhiệm của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm đúng quy định và cài quai đúng cách.

Vậy đội mũ bảo hiểm thế nào là đúng quy cách?

Trước hết, cần chọn một chiếc mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn chất lượng. Mở dây quai mũ sang hai bên, đội mũ lên đầu, cài khóa lại và kiểm tra xem mũ có vừa đầu không bằng cách xoay đi xoay lại, dùng tay kéo mũ từ đằng sau ra đằng trước hoặc nâng phần trên trước trán (hoặc phần cằm đối với mũ cả hàm) rồi kéo ra đằng sau, mũ không được bật ra khỏi đầu. Nếu mũ quá rộng so với đầu, khi đi xe mô tô, xe gắn máy mũ sẽ bị sụp xuống mặt hoặc lật ra phía sau hoặc bị lật nghiêng sang 1 bên, gây mất an toàn cho người sử dụng mũ.

Thứ hai, hãy luôn cài quai mũ, vì nếu đội mũ mà không cài quai thì mũ sẽ không có tác dụng

bảo vệ. Tuy nhiên, không nên cài quá chặt hoặc quá lỏng. Chúng ta có thể kiểm tra bằng cách: Sau khi cài, hãy thử nhét 2 ngón tay xuống dưới cầm, nếu nhét được 1 hoặc 2 ngón tay là vừa. Nếu chúng ta cài quai mũ, nhưng cài quá lỏng, mũ cũng có thể bị lật khỏi đầu ra phía sau gáy và quai mũ sẽ vướng vào cổ của chúng ta, điều này sẽ rất nguy hiểm khi xảy ra tai nạn, dây có thể xiết vào vùng cổ, từ đó, có thể gây tổn thương khí quản, thực quản, cột sống cổ, động mạch cảnh, dẫn đến liệt nửa người, thiếu máu não, thậm chí, tử vong. Nếu quai mũ cài quá chặt, sẽ tạo cảm giác vướng víu, khó chịu khi bạn điều khiển xe trên đường, gây mất an toàn khi tham gia giao thông.

Câu 8. Người điều khiển mô tô, xe gắn máy đi trong đường làng, ngõ xóm ở vùng nông thôn. Nếu không đội mũ bảo hiểm có vi phạm không? Xử lý như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Như vậy, trên bất cứ tuyến đường nào, dù là đường làng, ngõ xóm ở khu vực nông thôn, đã điều khiển phương tiện tham gia giao thông thì người điều khiển phương tiện phải chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Trường hợp vi phạm, sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng theo điểm i khoản 3 Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 của Chính phủ.

Hiện nay, tình trạng không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng phương tiện mô tô, xe gắn máy ở khu vực nông thôn khá nhiều. Đặc biệt là ở những đường liên thôn, liên xã và những nơi lực lượng công an không thường xuyên tuần tra kiểm soát được. Nguyên nhân chính ở đây vẫn là nhận thức của người dân chưa cao, vẫn còn tâm lý đối phó.

Người dân cần phải thấy được việc đội mũ bảo hiểm đúng quy chuẩn chất lượng khi tham gia giao thông là cần thiết cho chính bản thân mình, nhằm đảm bảo an toàn cho tính mạng, sức khỏe của mỗi người khi tham gia giao thông.

Câu 9. Hành vi điều khiển xe mô tô không có gương chiếu hậu bên trái, đội mũ bảo hiểm không cài quai và không mang theo giấy phép lái xe thì bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với

người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có còi; đèn soi biển số; đèn báo hãm; gương chiếu hậu bên trái hoặc có nhưng không có tác dụng;

Điểm i khoản 3 Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi: Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" hoặc đội "mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy" không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy phép lái xe.

Câu 10. Những hình thức xử phạt đối với người uống rượu bia điều khiển xe mô tô và xe ô tô khi tham gia giao thông?

Trả lời:

Hiện nay, tình trạng sử dụng rượu, bia khi điều

khuyến phương tiện giao thông diễn ra khá phổ biến. Các vụ tai nạn giao thông nguyên nhân do sử dụng rượu, bia chiếm tỷ lệ khá cao.

Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định cụ thể những hình thức xử phạt đối với hành vi này như sau:

- Đối với xe mô tô:

Điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định trên quy định: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. Ngoài việc phạt tiền người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 01 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

Điểm e khoản 6 Điều 6 Nghị định trên quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở. Ngoài việc phạt tiền người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

- Đối với ô tô:

+ Điểm b khoản 7 Điều 5 Nghị định trên quy định: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000

đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

+ Điểm a khoản 8 Điều 5 Nghị định trên quy định: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở. Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, bị tạm giữ phương tiện 07 ngày.

+ Điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định trên quy định: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại điểm b khoản 7, điểm a khoản 8 Điều 5 như trên. Ngoài ra người vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 01 tháng, bị tạm giữ phương tiện 7 ngày trước khi ra quyết định xử phạt.

Câu 11. Đối với người dẫn dắt súc vật đi trên đường thì đi như thế nào là đúng luật?

Trả lời:

Điều 34 Luật giao thông đường bộ năm 2008

quy định về việc người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ như sau:

- Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường và bảo đảm vệ sinh trên đường; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.

- Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

Các hành vi vi phạm các quy định nêu trên sẽ bị xử phạt theo Điều 10 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ và ứng với mỗi hành vi khác nhau sẽ có các mức xử phạt khác nhau. Ví dụ: đối với các hành vi điều khiển, dẫn dắt súc vật đi không đúng phần đường quy định, đi vào đường cấm, khu vực cấm sẽ bị phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng; hành vi đi vào đường cao tốc trái quy định phạt tiền từ 100.000 đồng đến 120.000 đồng.

Câu 12. Ở khu vực đường giao thông nơi có lề đường, khu vực chợ, các phương tiện để tràn ra đường để vào họp chợ hoặc các cơ sở kinh doanh lấn chiếm lề đường để trông giữ xe, cần phải xử lý như thế nào?

Trả lời:

Hiện nay, mặc dù đã có những quy định cụ thể

về việc quản lý lòng đường, vỉa hè, nhưng do sự thiếu giám sát, quản lý lỏng lẻo, tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường để kinh doanh, buôn bán, làm chỗ để trông giữ xe... diễn ra khá phổ biến và phức tạp ở nhiều nơi nhất là các khu vực họp chợ, các hàng quán hay vào mùa lễ hội, ngày tết... Các phương tiện như xe đạp, xe mô tô, xe gắn máy... của người mua, người bán được dựng ngay giữa lòng đường, gây ra tình trạng lộn xộn, gây ách tắc và mất an toàn giao thông cho người và phương tiện tham gia giao thông qua các khu vực này. Lực lượng chức năng cũng đã tiến hành thường xuyên các đợt kiểm tra, xử lý vi phạm tuy nhiên tình trạng này không có chiều hướng giảm thậm chí nhiều nơi người dân luôn tìm mọi cách đối phó với lực lượng chức năng.

Để giải quyết vấn đề trên, trước hết các đơn vị chức năng cần tuyên truyền, vận động sâu rộng cho nhân dân hiểu để thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc sử dụng lòng đường, hè phố. Ngày 03-9-2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2013/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24-02-2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Nghị định này đã quy định việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông, quy định việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe.

Đối với các trường hợp vi phạm cần kiên quyết xử lý theo quy định. Điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một hành vi vi phạm: Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường. Đối với các cơ sở kinh doanh để xe lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, các lực lượng chức năng cần tiến hành nghiêm minh các quy định về xử phạt, trường hợp thường xuyên vi phạm hoặc tái phạm nhiều lần có thể tịch thu hoặc đình chỉ giấy phép kinh doanh.

Câu 13. Ở các tuyến đường làng, ngõ xóm, nhiều người dân phơi rơm rạ, nông sản, củi trên đường, gây cản trở giao thông. Việc làm này có vi phạm luật giao thông đường bộ không? Xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điểm d khoản 2 Điều 35 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: "Không được phơi thóc, lúa, rơm rạ, nông sản hoặc đồ vật khác trên đường bộ".

Với hành vi này tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ.

Câu 14. Xe đạp máy thuộc loại xe thô sơ hay xe cơ giới? Khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện này có bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm không?

Trả lời:

Điều 31 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định thì, xe đạp máy là xe thô sơ.

Khoản 2 Điều 31 Luật giao thông đường bộ quy định: Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

Nếu không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không đúng quy cách sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 8 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Câu 15. Khi điều khiển phương tiện giao thông đến chỗ giao nhau với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người điều khiển phương tiện giao

thông nên xử lý thế nào? Trong trường hợp này, người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ phải đứng cách xa đường ray bao nhiêu mét?

Trả lời:

Thời gian gần đây, liên tục xảy ra các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng ở các khu vực giao nhau giữa đường sắt và đường ngang dân sinh. Để bảo đảm an toàn, người tham gia giao thông cần chú ý tuân thủ những quy định của Luật giao thông đường bộ năm 2008. Tại những điểm đường bộ giao nhau với đường sắt, người tham gia giao thông cần thực hiện đúng quy định tại Điều 25 Luật giao thông đường bộ năm 2008, đó là phương tiện giao thông đường sắt được quyền ưu tiên đi trước.

Trường hợp khi điều khiển phương tiện giao thông đến chỗ giao nhau với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông cần thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật giao thông đường bộ năm 2008 như sau: "Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt không có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải quan sát cả hai phía, khi thấy chắc chắn không có phương tiện đường sắt đang đi tới mới được đi qua, nếu thấy có phương tiện đường sắt đang đi tới thì phải dừng lại và giữ

khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất và chỉ khi phương tiện đường sắt đã đi qua mới được đi".

Ngoài ra, để bảo đảm an toàn tại những nơi giao nhau với đường sắt, cần chú ý các quy định sau:

Theo Điều 25 Luật giao thông đường bộ năm 2008: tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt có đèn tín hiệu, rào chắn và chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu màu đỏ đã bật sáng, có tiếng chuông báo hiệu, rào chắn đang dịch chuyển hoặc đã đóng, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng lại phía phần đường của mình và cách rào chắn một khoảng cách an toàn; khi đèn tín hiệu đã tắt, rào chắn mở hết, tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

Tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt chỉ có đèn tín hiệu hoặc chuông báo hiệu, khi đèn tín hiệu màu đỏ đã bật sáng hoặc có tiếng chuông báo hiệu, người tham gia giao thông đường bộ phải dừng ngay lại và giữ khoảng cách tối thiểu 5 mét tính từ ray gần nhất; khi đèn tín hiệu đã tắt hoặc tiếng chuông báo hiệu ngừng mới được đi qua.

Câu 16. Những nơi có đường sắt chạy qua ở vùng nông thôn, một số người dân thường xuyên phơi rơm rạ, nông sản trên đường sắt vì tiện trên đường gần nhà và người này

nhìn người kia làm theo. Hành vi này có được phép không? Nếu không thì hình thức xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Đây là một trong những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Khoản 8 Điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định: Cấm để vật chướng ngại, đổ chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt; chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Mặc dù hành vi này được quy định rất rõ như trên nhưng trên thực tế nhiều năm qua, tình trạng phơi rơm rạ, nông sản trên các tuyến đường sắt tại các khu vực nông thôn có thời điểm diễn ra thường xuyên, làm cản trở giao thông, gây hậu quả nghiêm trọng cho ngành đường sắt, đồng thời ảnh hưởng đến tính mạng của những hành khách trên tàu nếu có tai nạn xảy ra. Hành vi này cần bị lên án và xử phạt nghiêm minh.

Tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 của Chính phủ) về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đã quy định:

Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi phơi rơm, rạ, nông

sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác.

Ngoài ra, đối với hành vi này tại điểm d khoản 5 Điều 48 còn quy định "buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác".

Câu 17. Hành vi vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Tại khoản 1 đến khoản 7 Điều 46 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 của Chính phủ) quy định về xử phạt các hành vi của người tham gia giao thông vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng như sau:

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung, hầm khi đi qua đường ngang, cầu chung, hầm;

b) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ không chấp hành hiệu lệnh,

chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

2. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

4. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

5. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn

của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

6. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng;

b) Người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

7. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

Câu 18. Người điều khiển phương tiện giao thông khác khi đi qua nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt cần làm gì?

Trả lời:

Điều 11 Luật đường sắt năm 2005 đã quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. Theo đó, đối với người điều khiển phương tiện giao thông khác, khi đi qua nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt có

trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu, trừ trường hợp đang làm nhiệm vụ khẩn cấp; Không được gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt và hoạt động giao thông vận tải đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Quy định trên là yêu cầu trách nhiệm đối với mỗi người. Các hành vi vi phạm quy định sẽ bị xử phạt theo các điểm b, e, khoản 4, Điều 47 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân có các hành vi trốn tránh nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn; hành vi gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Câu 19. Hành vi dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt thì bị phạt như thế nào?

Trả lời:

Đất dành cho đường sắt gồm đất để xây dựng công trình đường sắt, đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và đất trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt. Đất dành cho đường sắt phải được sử dụng đúng mục đích đã được phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Như vậy, hành vi dựng lều, quán trái phép

trong phạm vi đất dành cho đường sắt sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Tại điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ quy định: phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân và từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi dựng lều, quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác, trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm nêu trên bị buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển lều quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.

Hiện nay, tình trạng lấn chiếm đất dành cho đường sắt diễn ra khá phức tạp, người dân chiếm dụng các gầm cầu, hành lang đường sắt để xây dựng các cửa hàng, thậm chí bị biến thành chợ cóc hoặc nơi kinh doanh vật liệu xây dựng... Tình trạng trên gây mất an toàn cho giao thông đường sắt, nguy hiểm cho chính tính mạng của người dân. Năm 2013 lực lượng cảnh sát giao thông đường sắt đã tiến hành kiểm tra và kiến nghị đối với các đơn vị chức năng tiến hành giải tỏa trên 2000m² lều quán, công trình vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt. Trong năm 2015 sẽ tiếp tục tăng cường lực lượng, phối hợp tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm, góp phần bảo đảm giao thông đường sắt được thông suốt, trật tự và an toàn.

Câu 20. Hành vi ném đất, đá hoặc các vật khác lên tàu hoặc từ trên tàu xuống sẽ bị xử lý như thế nào? Biện pháp khắc phục?

Trả lời:

Ném đất, đá hoặc các vật khác lên tàu hoặc từ trên tàu xuống là hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt được quy định tại khoản 12 Điều 12 Luật đường sắt năm 2005.

Theo điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, ngày 12-11-2013 của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc bất cứ vật gì khác vào nhà, vào phương tiện giao thông, vào người, đồ vật, tài sản của người khác.

Điểm c khoản 1 Điều 67 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi ném đất, đá hoặc các vật khác từ trên tàu xuống khi tàu đang chạy.

Câu 21. Hiện nay, hành vi lấy trộm các thanh tà vẹt, ốc, vít... xảy ra thường xuyên. Hành vi này để lại những hậu quả gì? Xử lý như thế nào?

Trả lời:

Gần đây tiếp tục xảy ra tình trạng trộm cắp vật tư, thiết bị, phá hoại đường sắt. Hành vi này hết

sức nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến an toàn chạy tàu, có thể gây lệch tàu, tàu chạy chệch đường ray và có thể gây tai nạn giao thông đường sắt.

Tại khoản 4 Điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định: Nghiêm cấm hành vi tự ý di chuyển hoặc làm sai lệch các công trình, thiết bị báo hiệu, biển báo hiệu cố định trên đường sắt.

Nếu vi phạm sẽ bị xử lý như sau:

Tại điểm c khoản 4 Điều 49 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm: Tự ý tháo dỡ, làm xê dịch ray, tà vẹt, cấu kiện, phụ kiện, vật tư, trang thiết bị, hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt trái phép.

Câu 22. Việc tự tiện phá rào chắn đường tàu để mở lối đi bị xử phạt như thế nào? Ngược lại, nếu không phá rào chắn thì người dân đi lại gặp khó khăn, vậy phải xử lý thế nào với người dân trong trường hợp này?

Trả lời:

Thời gian qua ở nhiều địa phương diễn ra hàng loạt các vụ người dân phá rào chắn đường tàu để mở lối đi. Đây là hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Tại khoản 3 Điều 12 Luật

đường sắt năm 2005 quy định: "Nghiêm cấm hành vi tự ý mở đường ngang, xây dựng cầu vượt, hầm chui, cống hoặc các công trình khác qua đường sắt".

Vì vậy việc người dân tự ý phá rào chắn để mở lối đi là trái với quy định của pháp luật, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, gây nguy hiểm cho người đi đường. Hành vi này sẽ bị xử phạt theo điểm a khoản 4 Điều 49 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm: Tự ý mở đường ngang, kéo đường dây thông tin, đường dây tải điện, xây dựng cầu vượt, hầm chui, cống hoặc các công trình khác trái phép qua đường sắt;

Trong trường hợp đi lại bất tiện, khó khăn thì người dân có thể kiến nghị với Ủy ban nhân dân xã, phường để phối hợp với ngành đường sắt có giải pháp an toàn chứ không được tự ý phá rào chắn hoặc mở đường ngang.

Câu 23. Nếu người dân trồng rau trong khu vực hàng rào đường sắt thì có vi phạm pháp luật không? Xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp này đã vi phạm vào phần đất dành cho đường sắt. Theo Điều 17 Luật đường sắt năm

2005 quy định đất dành cho đường sắt gồm đất để xây dựng công trình đường sắt, đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và đất trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Đất dành cho đường sắt phải được sử dụng đúng mục đích đã được phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

Tại khoản 2 Điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định nghiêm cấm hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

Như vậy, hành vi này sẽ bị xử phạt theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 51 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ như sau:

Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi:

- Sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt;

- Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, trồng cây cao trên 15 m, trồng cây trong khoảng 02 m tính từ chân nền đường đắp, 05 m tính từ mép đỉnh mái đường đào hoặc 03 m tính từ

mép ngoài rãnh thoát nước dọc, rãnh thoát nước đỉnh của đường; bị buộc phải chặt, nhổ bỏ cây trồng trái quy định.

Câu 24. Nếu người dân tự ý di chuyển biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt thì sẽ bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Đây là các trang thiết bị thuộc công trình đường sắt và theo quy định thì công trình đường sắt là công trình được xây dựng để phục vụ giao thông vận tải đường sắt. Khoản 1 Điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định: Nghiêm cấm các hành vi phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt.

Như vậy, hành vi tự ý di chuyển biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt nói trên là vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Hành vi này sẽ bị xử phạt theo điểm c khoản 3 Điều 49 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ như sau: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Câu 25. Việc treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt thì bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Hành vi treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt gây mất an toàn cho hoạt động giao thông đường sắt. Có không ít vụ tai nạn đường sắt đã xảy ra do sự thiếu hiểu biết hoặc thiếu trách nhiệm của người dân khi vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt. Khoản 5 Điều 12 Luật đường sắt năm 2005 quy định: Nghiêm cấm hành vi treo, phơi, đặt vật làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt.

Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt như sau:

Điểm d khoản 2 Điều 49 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ quy định: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt;

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đó còn bị buộc phải tự dỡ bỏ các vật đã treo, phơi và khôi phục lại trạng thái ban đầu của công trình đường sắt đã bị thay đổi.

Câu 26. Hiện nay, có nhiều bến thủy nội địa hoạt động không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng giấy phép đã hết hạn, từ đó dẫn đến cơ sở vật chất của các bến thủy nội địa không bảo đảm đúng theo quy định pháp luật. Những hoạt động này đã ảnh hưởng rất lớn đến trật tự an toàn giao thông đường thủy, gây khó khăn cho hoạt động quản lý. Những hành vi vi phạm nói trên có thể bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Bến thủy nội địa là vị trí độc lập được gia cố để phương tiện neo đậu, xếp, dỡ hàng hóa, đón, trả hành khách. Bến thủy nội địa bao gồm bến công cộng và bến chuyên dùng.

Điều 13 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định: Việc xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch và bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật. Tổ chức, cá nhân khi lập dự án xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đường thủy nội địa. Bến thủy nội địa chỉ được hoạt động khi bảo đảm các tiêu chuẩn quy định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20-8-2013 của Chính phủ

thì những hành vi khai thác bến thủy nội địa không đúng quy định pháp luật sẽ bị xử phạt như sau:

Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Không có bảng nội quy đối với cảng, bến thủy nội địa theo quy định phải có bảng nội quy; cảng, bến khách không có bảng niêm yết giá vé theo quy định;

- Không bố trí, bố trí không đầy đủ hoặc không bảo đảm điều kiện an toàn của một trong các thiết bị đệm chống va, cầu cho người lên xuống, cột bích hoặc phao cho phương tiện buộc dây, đèn chiếu sáng ban đêm, không có nhà chờ cho hành khách;

- Bố trí người điều khiển thiết bị xếp, dỡ không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Khai thác bến thủy nội địa quá phạm vi vùng nước hoặc khai thác quá thời hạn cho phép; khai thác không đúng mục đích; tự ý thay đổi kết cấu, kích thước của bến so với quy định trong giấy phép hoạt động;

- Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

- Sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có đăng ký, không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;

- Để hành khách xuống phương tiện quá sức chở của phương tiện hoặc xếp hàng hóa xuống phương tiện quá vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện;

- Xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi phương tiện chưa được phép vào vị trí xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách;

- Tiếp nhận phương tiện có môn nước thực chở hoặc kích thước lớn hơn so với quy định trong giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đưa bến thủy nội địa vào hoạt động mà không có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền.

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với chủ cảng thủy nội địa có một trong các hành vi sau đây:

- Khai thác cảng thủy nội địa không đúng mục đích; quá phạm vi vùng nước hoặc khai thác quá thời hạn cho phép so với quyết định công bố; thay đổi kết cấu, kích thước, chức năng của cảng mà chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

- Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định;

- Sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định;

- Chuyên chở hành khách quá sức chở của phương tiện hoặc xếp, chuyên chở hàng hóa quá vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện;

- Xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón, trả hành khách khi phương tiện chưa được cơ quan có thẩm quyền tại cảng thủy nội địa cho phép vào vị trí xếp, dỡ hàng hóa theo quy định;

- Tiếp nhận phương tiện có món nước thực chở hoặc kích thước lớn hơn so với quy định trong quyết định công bố của cơ quan có thẩm quyền.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi đưa cảng vào khai thác mà chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đưa lên khỏi phương tiện số hành khách vượt quá sức chở, số hàng hóa trở quá vạch dấu món nước an toàn của phương tiện theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 và điểm d khoản 4 Điều 51 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20-8-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

Câu 27. Điều kiện cần thiết để hoạt động vận tải hành khách ngang sông được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 79 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 điều kiện cần thiết để hoạt động vận tải hành khách ngang sông là:

(1) Phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

(2) Ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thuyền trưởng, người lái phương tiện vận tải hành khách ngang sông phải thực hiện các quy định sau đây:

(a) Có đủ dụng cụ cứu sinh còn hạn sử dụng và bố trí đúng nơi quy định;

(b) Hướng dẫn hành khách lên, xuống; sắp xếp hàng hóa, hành lý; hướng dẫn hành khách ngồi bảo đảm ổn định phương tiện;

(c) Chỉ được cho phương tiện rời bến khi hành khách đã ngồi ổn định, hàng hóa, hành lý, xe máy, xe đạp đã xếp gọn gàng và sau khi đã kiểm tra phương tiện không chìm quá vạch dấu mốc nước an toàn;

(d) Không chở người quá sức chở người của phương tiện, chở hàng hóa quá trọng tải quy định.

(3) Hành khách phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của thuyền trưởng, người lái phương tiện.

Câu 28. Quyền và nghĩa vụ của hành khách khi tham gia giao thông đường thủy nội địa là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 83 Luật giao thông

đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014 quyền và nghĩa vụ của hành khách khi tham gia giao thông đường thủy nội địa, bao gồm:

(1) Hành khách có các quyền sau đây:

(a) Yêu cầu được vận chuyển bằng đúng loại phương tiện, đúng giá trị loại vé, từ cảng, bến nơi đi đến cảng, bến nơi đến theo vé đã mua;

(b) Được miễn cước phí hành lý mang theo với khối lượng theo quy định của pháp luật;

(c) Được từ chối chuyển đi trước khi phương tiện rời cảng, bến và được hoàn trả lại tiền vé theo quy định. Sau khi phương tiện khởi hành, nếu rời phương tiện tại bất kỳ cảng, bến nào thì không được hoàn trả lại tiền vé, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;

(d) Yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh, bồi thường thiệt hại trong trường hợp người kinh doanh vận tải hành khách không vận chuyển đúng thời hạn, địa điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng.

(2) Hành khách có các nghĩa vụ sau đây:

(a) Mua vé hành khách và trả cước phí vận tải hành lý mang theo quá mức quy định; nếu chưa mua vé và chưa trả đủ cước phí vận tải hành lý mang theo quá mức thì phải mua vé, trả đủ cước phí và nộp tiền phạt;

(b) Khai đúng tên, địa chỉ của mình và trẻ em đi kèm khi người kinh doanh vận tải lập danh sách hành khách;

(c) Có mặt tại nơi xuất phát đúng thời gian đã thỏa thuận; chấp hành nội quy vận chuyển và hướng dẫn về an toàn của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện;

(d) Không mang theo hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm lưu thông, cấm vận tải chung với hành khách.

Câu 29. Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện vận tải hành khách ngang sông được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10-5-2012 quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông do Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định:

(1) Chủ phương tiện vận tải hành khách ngang sông có trách nhiệm trang bị áo phao, dụng cụ nổi cá nhân trên phương tiện phải bảo đảm đầy đủ về số lượng và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

(2) Thuyền viên, người lái phương tiện vận tải khách ngang sông có trách nhiệm:

(a) Trước khi cho phương tiện rời bến phải phát cho mỗi hành khách đi trên phương tiện một (01) áo phao hoặc một (01) dụng cụ nổi cá nhân để sử dụng;

(b) Hướng dẫn và yêu cầu hành khách trên phương tiện mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách trong suốt hành trình của phương tiện.

(3) Từ chối chuyên chở đối với những hành khách không tuân thủ việc mặc áo phao hoặc sử dụng dụng cụ nổi cá nhân theo hướng dẫn.

(4) Chịu trách nhiệm liên quan đến sự cố hoặc tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình vận tải hành khách ngang sông khi hành khách không mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách.

Câu 30. Trách nhiệm của hành khách khi đi trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông là gì? Nếu không sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân, hành khách bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Điều 8 Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10-5-2012 quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông do Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định:

(1) Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của thuyền viên, người lái phương tiện trong việc thực hiện quy định về mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách trên

phương tiện vận tải hành khách ngang sông trong suốt hành trình của phương tiện.

(2) Chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do việc không tuân thủ các quy định, hướng dẫn về mặc áo phao hoặc cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách khi tham gia giao thông bằng phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

Đối với vi phạm của hành khách, theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20-8-2013 của Chính phủ sẽ bị xử phạt như sau: Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi không mặc áo phao cứu sinh hoặc không mang dụng cụ nổi cứu sinh khi tham gia giao thông trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật giao thông đường bộ năm 2008.
2. Luật đường sắt năm 2005.
3. Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2014.
4. Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.
5. Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.
6. Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20-8-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải và đường thủy nội địa.
7. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ - QCVN 41:2012/BGTVT.

8. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa - QCVN 39:2012/BGTVT.
9. Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17-7-2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.
10. Thông tư số 33/2012/TT-BGTVT ngày 15-8-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang.
11. Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10-5-2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.
12. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia: *Sổ tay an toàn giao thông đường bộ*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội, 2013.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Chú dẫn của Nhà xuất bản	5
<i>Chương I</i>	
TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG Ở KHU VỰC NÔNG THÔN - MIỀN NÚI NƯỚC TA	
	7
1. Một số đặc điểm của giao thông vận tải khu vực nông thôn - miền núi ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông	7
2. Thực trạng trật tự an toàn giao thông ở khu vực nông thôn - miền núi trong những năm gần đây	12
3. Kinh nghiệm bảo đảm trật tự an toàn giao thông khu vực nông thôn - miền núi ở một số địa phương	17

Chương II	
NHẬN BIẾT MỘT SỐ HÀNH VI	
NGUY HIỂM Ở KHU VỰC	
NÔNG THÔN - MIỀN NÚI	
CẦN PHÒNG TRÁNH KHI THAM GIA	
GAO THÔNG	
	39
1. Không đội mũ bảo hiểm, đội mũ bảo hiểm cài quai không đúng cách	39
2. Sử dụng rượu, bia, chất kích thích	40
3. Chạy quá tốc độ cho phép	41
4. Sử dụng thiết bị di động khi lái xe	43
5. Sử dụng ô trong khi đi xe mô tô, xe gắn máy	44
6. Xe mô tô, xe gắn máy chở hàng công kênh, chở quá số người quy định	44
7. Điều khiển xe từ đường nhánh ra đường chính	46
8. Sử dụng phương tiện cũ nát	47
9. Đi xe đạp dàn hàng ngang, sử dụng ô	48
10. Người đi bộ sang đường tùy tiện sai quy định	49
11. Tuốt, phơi rơm, lúa trên đường	50
12. Thả rông gia súc, chăn thả gia cầm trên các tuyến đường	51

13. Đốt rơm rạ gây mất an toàn giao thông	51
14. Bán hàng, họp chợ trên đường, cầu	53
15. Vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường	54
16. Vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt	54
17. Không quan sát an toàn khi đi qua đường ngang dân sinh	56
18. Vượt rào chắn đường sắt	57
19. Người đi đồ không mặc áo phao, cầm dụng cụ nổi	58
20. Phương tiện đường thủy chở quá số người, chở hàng quá tải trọng quy định	60

Chương III

PHÁP LUẬT

VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

MÀ NGƯỜI THAM GIA GIAO THÔNG

KHU VỰC NÔNG THÔN, MIỀN NÚI

CẦN BIẾT

1. Đường bộ	62
2. Đường sắt	127
3. Đường thủy nội địa	147
PHỤ LỤC	185
Hướng dẫn và giải đáp xử lý các tình huống pháp luật giao thông	185

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
PHẠM VIỆT

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI
LÊ TỬ GIANG

Biên tập nội dung:	NGUYỄN THU HÒA VŨ VĂN BÁI DƯƠNG HỒNG HẠNH
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	ĐÀO BÍCH
Sửa bản in:	NGUYỄN SƠN LÂM
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THU HÒA

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

* LUẬT ĐƯỜNG SẮT

* LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

* LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA



SÁCH KHÔNG BÁN